

Số: 228 /KH-UBND

Lạng Sơn, ngày 02 tháng 11 năm 2022

KẾ HOẠCH

Xây dựng huyện Đình Lập đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc ban hành Bộ Tiêu chí quốc gia huyện nông thôn mới, quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành việc xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc ban hành Bộ Tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, giai đoạn 2021 - 2025; số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 về việc ban hành quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh; số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; số 18/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 08/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch xây dựng huyện Đình Lập đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định, phân công rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong thực hiện

nhệm xây dựng huyện Đình Lập đến năm 2025 đạt chuẩn nông thôn mới; là cơ sở để các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, huyện Đình Lập xây dựng kế hoạch thực hiện, huy động, lồng ghép tối đa các nguồn lực để hỗ trợ, đầu tư hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí huyện nông thôn mới.

Huy động sự vào cuộc của các cơ quan, ban, ngành tỉnh, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân huyện Đình Lập trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng huyện Đình Lập đạt chuẩn nông thôn mới. Tăng cường công tác phối hợp của các cơ quan ban ngành tỉnh với huyện, xã trong thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm mục tiêu đến năm 2025 huyện Đình Lập đạt chuẩn nông thôn mới.

Đảm bảo sự chỉ đạo, phối hợp thường xuyên, hiệu quả và thống nhất của các cấp, các ngành từ tỉnh đến huyện Đình Lập và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đình Lập trong việc triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

2. Yêu cầu

Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và cấp ủy, chính quyền huyện Đình Lập căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch này, cụ thể hóa thành chương trình/kế hoạch của đơn vị, địa phương cho phù hợp thực tiễn, phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý để tổ chức thực hiện mang lại hiệu quả thiết thực.

Tổ chức thực hiện phải đồng bộ, xuyên suốt, thường xuyên có sự kiểm tra, giám sát, sơ kết đánh giá, đi đôi với công tác khen thưởng, nhân rộng các mô hình, điển hình, cách làm hay trong xây dựng nông thôn mới.

Đưa nhiệm vụ xây dựng huyện Đình Lập đến năm 2025 đạt chuẩn nông thôn mới thành nhiệm vụ chính trị trọng tâm hằng năm, giai đoạn đến năm 2025 của cấp ủy, chính quyền huyện Đình Lập, các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; kết quả thực hiện nhiệm vụ này là một trong những tiêu chí đánh giá thi đua, chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của các tổ chức, thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và của huyện Đình Lập.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Đình Lập gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hóa đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, đô thị văn minh; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, thúc đẩy bình đẳng giới; xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, đô thị đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đi vào thực chất từng nội dung các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nhằm giải quyết căn bản các

vấn đề còn hạn chế, tạo bút phá mạnh mẽ trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đình Lập; xây dựng thành công các mô hình nông thôn mới kiểu mẫu trên cơ sở đặc thù, lợi thế của địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Xây dựng, hoàn thành 09 tiêu chí huyện nông thôn mới:

- Duy trì và nâng cao chất lượng 02 tiêu chí huyện nông thôn mới đã đạt, bao gồm: Tiêu chí số 3- Thủy Lợi và phòng chống thiên tai; Tiêu chí số 4- Điện.

- Phân đấu đến năm 2024 hoàn thành 07 tiêu chí chưa đạt, bao gồm: Tiêu chí số 1- Quy hoạch; Tiêu chí số 2- Giao Thông; Tiêu chí số 5- Y tế, văn hóa, giáo dục; Tiêu chí số 6- Kinh tế; Tiêu chí số 7- Môi trường; Tiêu chí số 8- Chất lượng môi trường sống; Tiêu chí số 9- Hệ thống chính trị An ninh trật tự Hành chính công, cụ thể:

+ Năm 2022: phân đấu hoàn thành 01 tiêu chí: Tiêu chí số 1- Quy hoạch.

+ Năm 2023: phân đấu xây dựng 03 tiêu chí và các chỉ tiêu: Tiêu chí số 2- Giao Thông; Tiêu chí số 5- Y tế, văn hóa, giáo dục; Tiêu chí số 8- Chất lượng môi trường sống.

+ Năm 2024: phân đấu hoàn thành 03 tiêu chí: Tiêu chí số 6- Kinh tế; Tiêu chí số 7- Môi trường; Tiêu chí số 9- Hệ thống chính trị An ninh trật tự Hành chính công.

b) Xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu: phân đấu giai đoạn 2021 - 2025 có thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí của 07 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; phân đấu đạt các tiêu chí, chỉ tiêu chưa đạt (*do tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ Tiêu chí giai đoạn 2022-2025 cao hơn Bộ Tiêu chí giai đoạn 2016-2020 và một số chỉ tiêu mới mà Bộ Tiêu chí giai đoạn 2016-2020 không có*).

- Xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng cao và xã kiểu mẫu:

+ Năm 2022 hoàn thành 01 xã nông thôn mới (xã Châu Sơn), nâng tổng số xã đạt chuẩn của toàn huyện lên 08/10 xã nông thôn mới; 01 xã nông thôn mới nâng cao (xã Bắc Lãng), nâng tổng số xã đạt chuẩn của toàn huyện lên 03/10 xã nông thôn mới nâng cao.

+ Năm 2023 hoàn thành 01 xã nông thôn mới (xã Lâm Ca), nâng tổng số xã đạt chuẩn của toàn huyện lên 09/10 xã nông thôn mới.

+ Phân đấu đến hết năm 2024 hoàn thành 01 xã nông thôn mới (xã Đông Thảng), nâng tổng số xã đạt chuẩn của toàn huyện lên 10/10 xã nông thôn mới; 01 xã nông thôn mới nâng cao (xã Thái Bình); 01 xã nông thôn mới Kiểu mẫu (xã Cường Lợi).

c) Xây dựng thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: phân đấu năm 2024 xây dựng 02 thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị (thị trấn Đình Lập và thị trấn Nông

Trường Thái Bình), hoàn thành 09/09 tiêu chí theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Năm 2025: duy trì nâng cao các tiêu chí và hoàn thiện hồ sơ công nhận huyện nông thôn mới.

III. NHIỆM VỤ

1. Xây dựng hoàn thành 09 tiêu chí huyện nông thôn mới

1.1. Tiêu chí về Quy hoạch

Lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Đình Lập đảm bảo yêu cầu nội dung nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng theo quy định. Đồ án quy hoạch xây dựng vùng đảm bảo đáp ứng một số yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, có hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt). Thời gian hoàn thành trong năm 2022.

1.2. Tiêu chí về Giao thông

Tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo đạt chuẩn, kết nối với mạng lưới giao thông liên vùng và tới trung tâm xã; hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn xã, liên kết các khu dân cư với khu sản xuất theo quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông của huyện, phấn đấu 100% các thôn, bản có đường ô tô hoặc xe máy được cứng hóa, đi lại thuận lợi.

Thực hiện hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn huyện bảo đảm kết nối với các xã và được bảo trì hằng năm; thực hiện cứng hóa thêm 64,7km đường huyện để đảm bảo đạt tỷ lệ 100% km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch, cứng hóa 64,79km đường trục xã, 15,6km đường trục thôn, 63,72km đường ngõ xóm và 16,2km đường nội thị.

Tổ chức lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn giao thông để thuận tiện cho các phương tiện giao thông hoạt động khu vực thị trấn Đình Lập, thị trấn Nông Trường Thái Bình. Thực hiện trồng cây xanh dọc tuyến đường huyện đảm bảo có ít nhất 50% (*tổng chiều dài tuyến 84km*); xây dựng mới Bến xe khách tại trung tâm huyện theo quy hoạch đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên.

1.3. Tiêu chí về Thủy lợi và phòng chống thiên tai

Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng thêm 07 công trình thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch; củng cố, kiện toàn tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm bốn tại chỗ hoạt động hiệu quả, bền vững.

1.4. Tiêu chí về Điện

Tập trung cải tạo, nâng cấp hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã trên địa bàn huyện theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống; cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

1.5. Tiêu chí về Y tế - Văn hóa - Giáo dục

Đầu tư nâng cấp Trung tâm Y tế huyện theo hướng mở rộng các phòng chức năng (*Phòng khám, khu nhà điều trị, khu kiểm soát nhiễm khuẩn*); nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện. Phấn đấu đến hết năm 2024 Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn theo quy định.

Thực hiện đầu tư xây dựng: sân vận động và khu vực kỹ thuật, nhà văn hóa huyện và quảng trường để Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn; phát triển các phong trào văn hóa, thể thao cơ sở để bảo đảm có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả đảm bảo yêu cầu theo quy định của Bộ tiêu chí.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các cấp học; củng cố, duy trì vững chắc kết quả phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và trung học cơ sở; tiếp tục thực hiện phổ cập trình độ trung học phổ thông. Đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất trường học (nhà đa năng, khu lớp học, phòng học bộ môn, khu hiệu bộ, sân, tường rào...) để đảm bảo trên 60% tỷ lệ trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 1.

1.6. Tiêu chí về Kinh tế

Thu hút nhà đầu tư vào đầu tư xây dựng cụm công nghiệp Đình Lập đảm bảo kết cấu hạ tầng kỹ thuật từ các nguồn vốn huy động ngoài ngân sách; cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện chợ trung tâm huyện Đình Lập đạt tiêu chuẩn kinh doanh thực phẩm.

Tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất, hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện; tổ chức, củng cố, xây dựng, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; xây dựng các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm chủ lực của huyện. Phát triển Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện trở thành trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động có hiệu quả.

1.7. Tiêu chí về Môi trường

Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; 100% điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh; tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định phải đảm bảo đạt $\geq 50\%$; tuyên truyền, vận động các hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải rắn tại nguồn đảm bảo đạt tỷ lệ $\geq 40\%$.

Xây dựng 01 mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên; 02 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp tại thị trấn Đình Lập và thị trấn Nông trường Thái Bình.

Cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong cụm công nghiệp tối

thiếu là 10% diện tích toàn khu; đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đảm bảo đạt tỷ lệ $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$.

1.8. Tiêu chí về Chất lượng môi trường sống

Thực hiện duy trì hoạt động, xây dựng, sửa chữa, nâng cấp 64 công trình nước sạch tập trung trên địa bàn huyện, phấn đấu đến năm 2024 tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt trên $\geq 12\%$; tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt trên 35%.

Xây dựng kế hoạch, đề án kiểm kê, kiểm soát chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện. Tuyên truyền vận động Nhân dân xây dựng cảnh quan, không gian trên địa bàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

1.9. Tiêu chí về Hệ thống chính trị - an ninh trật tự - hành chính công

Tăng cường củng cố, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu Đảng bộ, chính quyền, Tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện hàng năm được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo đảm thực hiện tốt an ninh trật tự tại địa phương. Lực lượng vũ trang huyện hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tiếp tục rà soát, đề xuất bổ sung, mở rộng danh mục dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 3, mức độ 4, nhất là các dịch vụ hành chính công thiết yếu, để tạo thuận lợi cho Nhân dân, doanh nghiệp.

Nâng cao nhận thức pháp luật, giáo dục ý thức tuân thủ và chấp hành pháp luật; nâng cao trách nhiệm của cán bộ công chức trong thực thi công vụ. Cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân trên địa bàn. Phấn đấu đến năm 2024, huyện Đình Lập được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Xây dựng 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Châu Sơn, xã Lâm Ca, xã Đồng Thắng)

Tổ chức rà soát, đánh giá các tiêu chuẩn quy định về hạ tầng kinh tế - xã hội của các xã chưa đạt chuẩn theo quy định; xác định nhu cầu nâng cấp, sửa chữa, bổ sung các công trình hạ tầng, cơ sở vật chất xây dựng đạt chuẩn theo quy định, đáp ứng nhu cầu thực tế phục vụ cho sản xuất hàng hóa tập trung và sinh hoạt của người dân, đồng thời lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án, đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong quá trình tổ chức thực hiện. Quan tâm đầu tư, xây dựng các trường học, nhà văn hóa, giao thông, thủy lợi, điện,...

Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, các biện pháp giảm nghèo, cải thiện môi trường nông thôn. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo các cấp huyện, cấp xã, các đồng chí lãnh đạo huyện, xã, các đoàn thể phụ trách các lĩnh vực; các thôn bản, gắn trách nhiệm với từng cá nhân về kết quả thực hiện nhiệm vụ, cụ thể như sau:

2.1. Xã Châu Sơn (*phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022*): đơn đốc thực hiện, khẩn trương hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt¹, hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định công nhận xã đạt chuẩn năm 2022; duy trì, nâng cao chất lượng các chỉ tiêu, tiêu chí đã đạt nhưng chưa bền vững.

2.2. Xã Lâm Ca (*phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023*): tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng các chỉ tiêu, tiêu chí đã đạt (10 tiêu chí đã đạt) nhưng chưa bền vững; tập trung triển khai đầu tư thực hiện hoàn thành 09 tiêu chí² chưa đạt, để hoàn thành 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới, cụ thể công việc gồm:

Bố trí nguồn vốn thực hiện rà soát, điều chỉnh, lập quy hoạch chi tiết xây dựng xã (đã lập xong quy hoạch chung); cứng hóa 34,6km tuyến đường trục xã, 3,2km đường trục thôn, 10,1km đường ngõ xóm; xây dựng bổ sung nhà lớp học và các công trình phụ trợ cho các điểm trường, xây dựng nhà văn hóa xã, xây mới và sửa chữa, nâng cấp 17 nhà văn hóa thôn (12 nhà văn hóa xây mới, sửa chữa 05 nhà văn hóa), 01 sân thể thao xã, 17 sân thể thao và đầu tư mua sắm thiết chế văn hóa, trang thiết bị, dụng cụ thể thao ngoài trời cho các nhà văn hóa, sân thể thao theo quy định; đầu tư xây dựng 03 công trình nước sinh hoạt tập trung tại thôn Bình Thăng, Khe Sen, Thống Nhất, Khe Dăm; tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt 5 không 3 sạch, hỗ trợ xây dựng 55 hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh, 10 lò đốt rác, 20 bể thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

2.3. Xã Đồng Thắng (*phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024*): tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng các chỉ tiêu, tiêu chí đã đạt (07 tiêu chí đã đạt) nhưng chưa bền vững; tập trung triển khai đầu tư hoàn thành 12 tiêu chí³ chưa đạt để hoàn thành 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới, cụ thể công việc gồm:

Bố trí nguồn vốn thực hiện rà soát, điều chỉnh, lập mới quy hoạch xây dựng chung, quy hoạch chi tiết xây dựng xã; cứng hóa 3,6km tuyến đường trục xã, 0,5km đường trục thôn; xây dựng trường học đạt chuẩn theo quy định (Mầm non, Tiểu học), xây dựng nhà văn hóa xã, xây mới 04 nhà văn hóa thôn, 01 sân thể thao xã, 04 sân thể thao và đầu tư mua sắm thiết chế văn hóa, trang thiết bị, dụng cụ thể thao ngoài trời cho các nhà văn hóa, sân thể thao theo quy định;

¹ Gồm: Tiêu chí 1-Quy hoạch, tiêu chí 5-Trường học (2 điểm trường đang hoàn thiện), tiêu chí 8-Thông tin truyền thông (2 thôn chưa có sóng điện thoại), tiêu chí 17-Môi trường và An toàn thực phẩm (đang xây dựng, hoàn thiện 12 nhà tiêu, 11 nhà tắm hợp vệ sinh bảo đảm đến hết tháng 10/2022 sẽ đạt).

² Gồm: Tiêu chí 2-Giao thông, tiêu chí 6-Cơ sở vật chất văn hóa, tiêu chí 8-Thông tin truyền thông, tiêu chí 9-Nhà ở dân cư, tiêu chí 10-Thu nhập, tiêu chí 12-Lao động, tiêu chí 13-Tổ chức sản xuất, tiêu chí 15-Y tế, tiêu chí 17-Môi trường và An toàn thực phẩm.

³ Gồm: Tiêu chí 1-Quy hoạch, tiêu chí 2-Giao thông, tiêu chí 5-Trường học, tiêu chí 6-Cơ sở vật chất văn hóa, tiêu chí 8-Thông tin và Truyền thông, tiêu chí 9-Nhà ở dân cư, tiêu chí 10-Thu nhập, tiêu chí 11-Hộ nghèo, tiêu chí 13-Tổ chức sản xuất, tiêu chí 15-Y tế, tiêu chí 17-Môi trường và An toàn thực phẩm, tiêu chí 18-Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt 5 không 3 sạch, hỗ trợ xây dựng 90 hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh, 10 bể thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

3. Xây dựng nâng cao các tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn NTM (xã Bính Xá, xã Bắc Xa, xã Kiên Mộc) đảm bảo đáp ứng bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

Rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, quy hoạch chi tiết các xã phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tiếp tục đầu tư và hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên đầu tư kiên cố hoá các công trình thủy lợi để đáp ứng yêu cầu sản xuất và phòng chống thiên tai; nâng cao chất lượng tỷ lệ hộ sử dụng điện an toàn; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học, văn hóa; tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình về nhà ở của Chính phủ; các dự án phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa chủ lực trên địa bàn xã theo Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm (OCOP); thực hiện tốt các chính sách về việc làm đối với lao động trong độ tuổi; nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân. Tuyên truyền, vận động người dân giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn; xây dựng và sử dụng nhà tắm, nhà tiêu, bể chứa nước hợp vệ sinh, thay đổi thói quen, tập tục lạc hậu gây ô nhiễm môi trường; tổ chức thu gom, tập kết và xử lý rác, chất thải đảm bảo theo quy định; kiểm soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường; cơ sở chăn nuôi phải có chuồng trại hợp vệ sinh, xử lý chất thải chăn nuôi, xây dựng và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường khu dân cư, cơ sở sản xuất kinh doanh; mô hình cảnh quan xanh - sạch - đẹp.

Bổ trí nguồn vốn thực hiện rà soát, điều chỉnh, lập mới quy hoạch xây dựng chung, quy hoạch chi tiết xây dựng xã; cứng hóa 9,4km (*Bính Xá: 03km, Kiên Mộc: 01km, Bắc Xa: 5,4km*) đường xã; 07km đường làng, ngõ xóm; xây dựng 03 công trình thủy lợi; xây mới phòng học, nhà đa năng và các công trình phụ trợ cho các trường học; xây mới 15 nhà văn hóa thôn, sửa chữa, nâng cấp 21 nhà văn hóa thôn, sân thể thao xã, sân thể thao thôn, bổ sung các thiết chế văn hóa, các dụng cụ thể thao ngoài trời cho trẻ em, người già và tại các sân thể thao thôn, xã theo quy định; xây dựng mới 02 công trình nước sinh hoạt tập trung; hỗ trợ xây dựng thêm 45 nhà tiêu hợp vệ sinh, 30 nhà tắm hợp vệ sinh, 45 lò đốt rác và 30 bể thu gom vỏ thuốc bao bì bảo vệ thực vật sau sử dụng; tập trung huy động nguồn lực hỗ trợ, vận động bà con xóa 13 nhà tạm, nhà dột nát.

4. Xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Tiếp tục nâng cao chất lượng tiêu chí các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định; nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đảm bảo sự phát triển nông thôn bền vững, có kinh tế phát triển, hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, Nhân dân hài lòng và đồng tình ủng hộ thực hiện chương trình nông thôn mới nâng cao trên địa bàn.

Tập trung rà soát và đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, đảm bảo

các yêu cầu về phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; thực hiện quản lý, sử dụng, duy tu, bảo trì, nâng cấp đảm bảo hiệu quả sử dụng các công trình hạ tầng đã được đầu tư; thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm; mô hình câu lạc bộ hoạt động hiệu quả về văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương; thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường; có mô hình điển hình về thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

4.1. Xây dựng 02 xã (xã Bắc Lãng năm 2022, xã Thái Bình năm 2024) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

Bố trí nguồn vốn thực hiện rà soát, điều chỉnh, lập mới quy hoạch xây dựng chung, quy hoạch chi tiết xây dựng xã; cứng hóa 1,5km đường xã; 4,092km đường trục thôn, đường làng, ngõ xóm; lắp các biển chỉ dẫn, biển báo tại các tuyến đường trục thôn, đường xã theo quy định; xây dựng thêm phòng học, nhà đa năng và các hạng mục công trình phụ trợ cho các trường học; xây dựng mới 01 nhà văn hóa thôn, sửa chữa nâng cấp 06 nhà văn hóa thôn, sân thể thao xã, sân thể thao thôn, bổ sung các thiết chế văn hóa, các dụng cụ thể thao ngoài trời cho trẻ em, người già và tại các sân thể thao thôn, xã theo quy định; hỗ trợ xây dựng thêm 92 nhà tiêu hợp vệ sinh, 20 nhà tắm hợp vệ sinh, 20 lò đốt rác.

4.2. Xây dựng nâng cao các tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao (xã Đình Lập) đảm bảo đáp ứng bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

Bố trí nguồn vốn thực hiện rà soát, điều chỉnh, lập mới quy hoạch xây dựng chung, quy hoạch chi tiết xây dựng xã; cứng hóa 3,7km đường trục xã; xây dựng mới 05 nhà văn hóa thôn, sửa chữa nâng cấp 07 nhà văn hóa thôn; xây dựng thêm 01 công trình nước sinh hoạt tập trung; hỗ trợ xây dựng thêm 60 nhà tiêu hợp vệ sinh.

5. Xây dựng xã Cường Lợi đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu

Tập trung chỉ đạo rà soát, xây dựng kế hoạch để thực hiện hoàn thành các tiêu chí theo Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025. Trong đó, cần lựa chọn các nội dung phù hợp, xác định tiêu chí cụ thể để từng bước hoàn thành xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định.

Bố trí nguồn vốn thực hiện rà soát, điều chỉnh, lập mới quy hoạch xây dựng chung, quy hoạch chi tiết; cứng hóa 6,2km đường trục xã; xây dựng 01 công trình thủy lợi để đảm bảo tỷ lệ diện tích sản xuất chủ động tưới tiêu; xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ cho trường học; hỗ trợ xây mới 01 nhà văn hóa, bổ sung thiết chế văn hóa, dụng cụ thể thao cần thiết; xây dựng thêm 10 bể thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng. Đồng thời, xây dựng xã có ít nhất 01 lĩnh vực nổi trội mang tính giá trị đặc trưng của địa phương theo các

nội dung: sản xuất, giáo dục và đào tạo, văn hóa - du lịch, cảnh quan môi trường, an ninh trật tự, chuyển đổi số.

6. Xây dựng thị trấn Đình Lập và thị trấn Nông trường Thái Bình đạt chuẩn đô thị văn minh

Tập trung chỉ đạo rà soát, xây dựng kế hoạch để thực hiện hoàn thành các tiêu chí theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; tập trung phát triển cơ sở hạ tầng đô thị một cách đồng bộ đối với 02 thị trấn như: trụ sở cơ quan, đường giao thông, hệ thống điện lưới, điện chiếu sáng công cộng; xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nước thải, xử lý và thu gom rác thải đúng quy định; thông tin liên lạc; các điểm vui chơi, giải trí; trung tâm văn hóa thể thao hoặc nhà văn hóa có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm, được quản lý sử dụng đúng mục đích.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng nhu cầu nguồn lực thực hiện xây dựng huyện Đình Lập đạt chuẩn huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 dự kiến khoảng 1.588.105 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 409.460 triệu đồng, chiếm 25,78% (gồm: vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của các chương trình mục tiêu quốc gia, các nguồn vốn bổ sung có mục tiêu của Trung ương giai đoạn 2021 - 2025).

- Vốn ngân sách tỉnh: 201.024 triệu đồng, chiếm 12,66% (gồm: vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, vốn đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

- Vốn ngân sách huyện: 230.952 triệu đồng, chiếm 14,54% (vốn bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của huyện).

- Vốn khác: 746.669 triệu đồng, chiếm 47,02% (vốn của doanh nghiệp đầu tư theo hình thức xã hội hóa, nhân dân tham gia đóng góp).

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Xác định xây dựng huyện Đình Lập đạt chuẩn nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị; công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình phải bảo đảm toàn diện trên địa bàn toàn huyện Đình Lập (10/10 xã), ưu tiên nguồn lực để hỗ trợ cho các tiêu chí huyện nông thôn mới cũng như các chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Đối với nhóm xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, tiếp tục chỉ đạo duy trì, bổ sung hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025; có kế hoạch cụ thể để thực hiện từng tiêu chí theo Bộ tiêu chí huyện, xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân theo hướng thực chất và bền vững.

Các sở, ngành, cơ quan liên quan chủ động phối hợp với UBND huyện

Đình Lập xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để thực hiện, có giải pháp cụ thể để hỗ trợ thực hiện từng tiêu chí huyện nông thôn mới, các tiêu chí, chỉ tiêu còn đạt thấp do sở, ngành, cơ quan phụ trách.

Về phương thức lãnh đạo, chỉ đạo cần tiếp tục đổi mới theo hướng phân cấp, phân quyền chuyển mạnh nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo các nội dung cụ thể của Chương trình cho cấp cơ sở và cộng đồng thôn, bản, các xã đảm nhiệm nhằm phát huy tối đa nội lực và tinh thần chủ động, sáng tạo của người dân và cộng đồng dân cư. Phát huy tối đa vai trò chủ thể, sự vào cuộc tham gia của người dân trong việc triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới với mục tiêu “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng lợi”.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và vai trò người đứng đầu, lấy kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới là một trong các tiêu chí để kiểm điểm, đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của tập thể, người đứng đầu cơ quan, đơn vị hằng năm.

Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG các cấp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho cơ quan, đơn vị, thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh phụ trách địa bàn, lĩnh vực được phân công; tiếp tục nâng cao năng lực của cơ quan giúp việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới các cấp theo quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương bảo đảm đáp ứng được các yêu cầu chức năng, nhiệm vụ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho cơ sở trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Công tác tuyên truyền, tập huấn về xây dựng nông thôn mới

Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức và người dân nông thôn; thực hiện tốt Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Lạng Sơn cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025; tổ chức phát động phong trào thi đua cao điểm xây dựng huyện Đình Lập đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025, trọng tâm một số nhiệm vụ sau:

a) Tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật mới của Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng nông thôn mới; các văn bản, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, văn bản của Tỉnh ủy, HĐND, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh liên quan đến chương trình xây dựng nông thôn mới.

b) Tuyên truyền kết quả thực hiện phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; gắn xây dựng nông thôn mới với quá trình đô thị hóa, xây dựng đô thị văn minh và từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Tuyên truyền về những thành quả đạt được, những bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tế triển khai xây dựng nông thôn mới trong thời gian vừa qua (đặc

biệt là các bài học kinh nghiệm qua đánh giá tổng kết 10 năm xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn); đồng thời tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

d) Tuyên truyền những gương điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt và mô hình sản xuất tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới; những sáng kiến và mô hình tiêu biểu về giữ gìn và bảo vệ môi trường...; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và những bất cập, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Công tác xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn

Tiếp tục huy động tối đa các nguồn lực, lồng ghép nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án hỗ trợ trên địa bàn và các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng ở nông thôn; chú trọng đầu tư cho các công trình cấp thôn, bản, xã để cải thiện điều kiện sinh hoạt và sản xuất của người dân, từng bước hoàn thiện các tiêu chí xã nông thôn mới.

Huyện Đình Lập chủ động ưu tiên phân bổ nguồn lực để thực hiện hỗ trợ Chương trình, trong đó ưu tiên đầu tư các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 – 2025; bố trí nguồn lực lồng ghép hỗ trợ cho các xã có tiêu chí đạt thấp, các xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn, xã biên giới; hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2015 - 2020 bổ sung, hoàn thiện các chỉ tiêu, tiêu chí đảm bảo đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, khai thác sử dụng các công trình đã được đầu tư xây dựng; chú trọng việc giao cho cộng đồng dân cư quản lý, giám sát và khai thác sử dụng, đồng thời duy trì chế độ duy tu bảo dưỡng để đảm bảo hiệu quả sử dụng lâu dài.

4. Phát triển sản xuất và đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất

Đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới; thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2025 và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2019; triển khai chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và đề án lựa chọn hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Giai đoạn 2021 - 2025, tiếp tục sử dụng nguồn vốn sự nghiệp xây dựng nông thôn mới để hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển các ngành, nghề truyền thống, đặc sản của địa phương gắn với đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất theo hướng tiếp tục quan tâm chỉ đạo nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả gắn với việc xây dựng các mô hình

phát triển sản xuất kiểu mẫu, vườn mẫu...; khuyến khích hình thành, nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp, phát triển các vùng chuyên canh, sản xuất hàng hóa tập trung gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật cao vào sản xuất hướng tới hình thành chuỗi giá trị phù hợp, ưu tiên hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức sản xuất cụ thể như Doanh nghiệp, HTX để duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí số 13 trong xây dựng nông thôn mới. Đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao khuyến khích phát triển các mô hình nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, hỗ trợ mở rộng diện tích áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn (VietGap, GlobalGap...), cấp mã vùng trồng, đẩy mạnh chuyển đổi số trong sản xuất, thương mại điện tử gắn với triển khai hiệu quả Chương trình “mỗi xã một sản phẩm” (OCOP).

Thực hiện lồng ghép chương trình việc làm và dạy nghề, giảm nghèo bền vững để sớm hoàn thành các tiêu chí về kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ chứng nhận, xây dựng thương hiệu, nhãn mác, bao bì sản phẩm; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng các điểm bán hàng, quảng bá mở rộng thị trường cho các sản phẩm, đặc biệt hướng tới xuất khẩu cho nông sản hàng hóa. Đẩy mạnh cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững gắn với xây dựng, củng cố các cơ sở chế biến lâm sản theo chiều sâu để nâng cao giá trị kinh tế đồi rừng, tăng thu nhập cho người dân.

Tăng cường thu hút đầu tư các dự án quy mô lớn, đầu tư theo hướng ứng dụng công nghệ cao để đem lại năng suất, hiệu quả đầu tư cao, tạo ra nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

5. Văn hóa, thông tin truyền thông, giáo dục, y tế, môi trường

Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao; nâng cao chất lượng hoạt động công tác thông tin truyền thông cơ sở nhằm nâng cao đời sống tinh thần của người dân nông thôn, trong đó quan tâm bảo tồn và phát huy sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc, phát triển các mô hình thôn/bản xanh, sạch, đẹp làm tiền đề cho phát triển du lịch cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa, văn nghệ để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Tiếp tục duy trì tốt các xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 05 tuổi; xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học và Trung học cơ sở; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học trung học phổ thông, bỏ túc trung học phổ thông, học nghề đạt 100%; tăng cường nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân từ tuyến huyện đến cơ sở; nâng cao chất lượng đội ngũ y, bác sỹ tuyến xã; đầu tư nâng cấp và xây mới các Trạm Y tế xã đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường nông thôn, tập trung khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải tạo cảnh quan, môi trường; xây dựng hoàn thiện hệ thống

thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, nước thải bảo đảm các quy định về môi trường; chú trọng xây dựng nhân rộng các mô hình thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, mô hình khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu, xây dựng “Gia đình 5 không - 3 sạch”; mô hình du lịch nông thôn, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

6. Xây dựng hệ thống chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh

Tiếp tục xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng quản trị hành chính công trên địa bàn; đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; rà soát và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ xã để từng bước đạt chuẩn theo quy định Bộ tiêu chí.

Thực hiện tốt công tác quốc phòng, quân sự địa phương; xây dựng lực lượng quân sự và các đơn Biên phòng trên địa bàn huyện vững mạnh, tập trung xây dựng, huấn luyện, tổ chức thực hiện nhiệm vụ và bảo đảm đầy đủ chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân xã; phát huy có hiệu quả lực lượng công an chính quy về các xã, thị trấn; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Đẩy mạnh xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc để đảm bảo giữ vững chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia. Đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới, tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật sâu rộng đến người dân; đồng thời tiếp tục quan tâm xây dựng, củng cố và nhân rộng các mô hình tự phòng, tự quản về an ninh trật tự trên địa bàn nông thôn.

7. Huy động nguồn vốn thực hiện Chương trình

Tập trung huy động tối đa các nguồn lực và thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn của các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn và các nguồn vốn khác để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đa dạng hóa các nguồn vốn huy động, thực hiện xã hội hóa các nguồn lực, thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp, nguồn lực trong Nhân dân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện. Quan tâm cân đối, bổ sung nguồn lực ngân sách địa phương để ưu tiên hỗ trợ thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn huyện Đình Lập.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh: căn cứ nhiệm vụ được Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh phân công, các mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch này, chủ động phối hợp với UBND huyện Đình Lập chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ huyện Đình Lập, các xã trên địa bàn huyện Đình Lập; quan tâm, ưu tiên lồng ghép các chương trình, dự án được giao quản lý, huy động xã hội hóa để hỗ trợ đầu tư, thực hiện các chỉ tiêu nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện Đình Lập.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan Thường trực

- Tổng hợp phương án phân bổ, lồng ghép nguồn vốn thực hiện xây dựng nông thôn mới huyện Đình Lập vào kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 05 năm và hàng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành đề xuất các giải pháp thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng huyện nông thôn mới. Chủ động tham mưu, phối hợp triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách và hướng dẫn tổ chức thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới. Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành phụ trách (*tại phụ lục kèm theo Kế hoạch này*).

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, UBND huyện Đình Lập kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch, đề xuất các giải pháp, biện pháp đảm bảo tiến độ, mục tiêu đề ra.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành xây dựng phương án phân bổ, lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới hằng năm, 05 năm bảo đảm đủ nguồn lực thực hiện hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới, xã nông thôn mới, thị trấn đô thị văn minh của huyện Đình Lập, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, UBND huyện Đình Lập và các đơn vị liên quan tổng hợp các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Đình Lập vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 05 năm và hằng năm, tham mưu cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để xây dựng huyện Đình Lập đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

- Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Đình Lập vào kết quả chung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh để báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương theo nhiệm vụ được giao.

4. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành liên quan cân đối, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Đình Lập theo kế hoạch bảo đảm quy định.

- Chủ trì, hướng dẫn huyện Đình Lập thủ tục thanh quyết toán các nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

5. Các sở, ban, ngành, cơ quan khác

- Hướng dẫn, hỗ trợ huyện Đình Lập triển khai thực hiện các tiêu chí theo phân công tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này. Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung, tiêu chí xây dựng nông thôn mới được giao phụ trách hiệu quả, giúp huyện Đình Lập hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành, hướng dẫn thực hiện các mô hình mẫu, tiêu chí mẫu thuộc lĩnh vực theo dõi quản lý; tham mưu giải quyết những vấn đề liên quan thuộc lĩnh vực quản lý của ngành mình.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện những tiêu chí, nội dung được giao phụ trách; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh theo quy định.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Đình Lập; lựa chọn những nội dung phù hợp để xây dựng kế hoạch hành động triển khai thực hiện; tuyên truyền để các đoàn viên, hội viên, nhân dân tin tưởng, phấn khởi, đoàn kết chủ động xây dựng cuộc sống văn minh, vận động nhân dân tích cực và tự nguyện tham gia góp sức xây dựng nông thôn mới; giám sát quá trình xây dựng nông thôn mới, nhất là giám sát của nhân dân về đầu tư xây dựng cơ bản và thực hiện quy hoạch nông thôn mới.

Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân tại địa phương khi Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập triển khai làm thủ tục, hồ sơ đề nghị công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; chỉ đạo Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện, cấp xã tiến hành tổ chức lấy ý kiến người dân trên địa bàn theo quy định.

7. Cấp ủy, chính quyền huyện Đình Lập và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đình Lập

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới; xác định các nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực, lộ trình thực hiện cụ thể và phân công các đơn vị, cá nhân phụ trách, đảm nhiệm từng nhiệm vụ; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, huy động sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền và người dân, tạo sự đồng thuận trong phong trào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

- Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, rà soát, điều phối kế hoạch xây dựng nông thôn mới các xã phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; tập trung ưu tiên các nguồn lực để thực hiện Chương trình bảo đảm đồng bộ và hiệu quả. Quan tâm ưu tiên nguồn lực để đầu tư, hỗ trợ thực hiện bổ sung, hoàn thiện, nâng cao các chỉ tiêu, tiêu chí tại các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án dự kiến phân bổ, lồng ghép các nguồn vốn thực hiện gửi các cơ quan tổng hợp tham mưu

của từng nguồn vốn: Cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc*), Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Chủ động cân đối bố trí nguồn vốn đối ứng từ ngân sách huyện, nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác và các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để thực hiện Chương trình. Chỉ đạo và phân công phòng, ban chuyên môn phụ trách tiêu chí, phối hợp với các xã rà soát đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí theo bộ tiêu chí các cấp (huyện nông thôn mới, xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu) giai đoạn 2021 - 2025. Xây dựng kế hoạch cụ thể, lộ trình phấn đấu hoàn thiện các tiêu chí theo bộ tiêu chí theo từng năm và giai đoạn 5 năm 2021 - 2025.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện để chủ động xử lý, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; thực hiện chế độ giao ban định kỳ giữa Ban Chỉ đạo các chương trình Mục tiêu quốc gia cấp huyện với các xã về công tác xây dựng nông thôn mới; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

Trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện có những nội dung phát sinh cần điều chỉnh, các sở, ngành, UBND huyện Đình Lập báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, cấp ủy, chính quyền huyện Đình Lập, đề nghị Ủy ban MTTQ, tổ chức chính trị xã hội các cấp khẩn trương tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- BCĐ TW CTMTQG XDNTM;
- VPĐP TW CTMTQG XDNTM;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể CT-XH;
- Các sở, ban, ngành;
- HU, HĐND, UBND huyện Đình Lập;
- Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Báo Lạng Sơn, Đài PT-TH tỉnh;
- Văn phòng ĐP CTXDNTM tỉnh;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KT (PVĐ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Trọng Quỳnh

Phụ biểu 1- KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHI TIẾT 19 TIÊU CHÍ QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số: 228 /KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn 2021-2025	Kết quả rà soát									
				Đình Lập	Cường Lợi	Bính Xá	Bắc Xa	Kiên Mộc	Bắc Lãng	Châu Sơn	Thái Bình	Lâm Ca	Đồng Thắng
A	B	C	E	1	2	5	6	4	3	10	8	7	9
I	Quy hoạch												
	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã(1) được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 (Trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt										
II	Hạ tầng kinh tế xã hội												
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100%	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt
		Số tuyến đường											
		Tổng chiều dài tuyến đường (km)		8.545	12	16.1	17	20.25	3.1	14	25.5	46.8	11.1
		Đường đã bê tông (km)		8.545	5.8	13.1	11.5	19.25	3.1	14	24	16.7	11.1
		Tỷ lệ %		100	48.33	81.37	68	95.06	100	100	94.12	35.68	100.00
		Đường đất (km)		0	6.2	3	5.5	1	0	0	1.5	30.1	0
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.		≥80% (cứng hóa)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt
		Số tuyến đường											
		Tổng chiều dài tuyến đường (m)	1,600		1,330	11,240	2,950	16,500	2,180	2,532	5,700	15,900	2,000
		Đường đã bê tông	1,452		1,330	9,540	2,850	16,500	2,180	2,147	5,700	8,990	1,500
		Tỷ lệ %	90.75		100	84.88	96.61	100	100.00	84.79	100	56.54	75
		Đường đất (m)	148		-	1,700	100	-	-	385	-	6,910	500

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn 2021-2025	Kết quả rà soát									
				Đình Lập	Cường Lợi	Bính Xá	Bắc Xa	Kiên Mộc	Bắc Lãng	Châu Sơn	Thái Bình	Lâm Ca	Đồng Thắng
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm.	≥70% (cứng hóa)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt
		Số tuyến đường											
		Tổng chiều dài tuyến đường (m)		24,400	11,242	37,280	13,800	40,000	7,534	7,188	37,000	33,540	7,800
		Đường đã bê tông (m)		21,460	9,931	28,160	11,960	21,210	6,742	6,530	23,500	14,710	6,800
		Tỷ lệ %		87.95	88.34	75.54	86.67	53.03	89.49	90.85	63.51	43.86	87.18
		Đường đất (m)		2,940	1,311	9,120	1,840	18,790	792	658	13,500	18,830	1,000
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	≥60% (cứng hóa)	Đạt	Không quy hoạch	Không quy hoạch	Không quy hoạch	Không quy hoạch	Không quy hoạch	Không quy hoạch	Đạt	Chưa đạt	Không quy hoạch
		Tổng tuyến đường (m)		2,000							1,000	1,500	
		Đường đã bê tông (m)		1,250							1,000	800	
		Tỷ lệ %		62.50							100	53.33	
		Đường đất (m)							-	700			
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.	≥ 80%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		Tổng diện tích thiết kế (ha)		197	64.3	153	102	163	93	119	98.5	200	45
		Diện tích đảm bảo tưới tiêu (ha)		184.3	58.1	130.8	87.3	144.77	78.63	107.7	81	182.6	38.1
		Tỷ lệ %		93.55	90.36	85.49	85.59	88.82	84.55	90.50	82.23	91.30	84.67
		Tổng chiều dài kênh mương		16.58	8.53	30.6	19.53	34.63	15.82	14.31	21.03	24.37	10.6
		Số kênh mương được kiên cố		12.36	6.23	20.3	15.23	19.56	14.58	12.51	8.23	20.47	7.1
		Tỷ lệ %		74.55	73.04	66.34	77.98	56.48	92.16	87.42	39.13	84.00	66.98
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ cơ đang ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		Tổng số hộ	≥95%	1062	389	948	356	576	350	423	563	971	125
		Số hộ đăng ký và đc sử dụng điện	1062	383	923	356	559	350	422	560	964	124	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn 2021-2025	Kết quả rà soát										
				Đình Lập	Cường Lợi	Bính Xá	Bắc Xa	Kiên Mộc	Bắc Lãng	Châu Sơn	Thái Bình	Lâm Ca	Đồng Thắng	
		Tỷ lệ %		100	98.46	97.36	100	97.05	100	99.76	99.47	99.28	99.20	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: (mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định.	Đối với các xã có hơn 3 trường: 100% trường học các cấp đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó $\geq 70\%$ đạt tiêu chuẩn CSVC cấp độ 1; đối với các xã có từ 3 trường trở xuống: 100% trường học các cấp đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó $\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	
		Tổng số trường		3	2	5	3	4	2	3	4	5	2	
		Số trường đạt chuẩn CSVC theo quy định		3	2	5	3	4	2	1	4	4	0	
		Tỷ lệ %		100	100	100	100	100	100	33.33	100	80	0	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt											
		Nhà Văn hóa xã: Diện tích QH khu nhà văn hóa KV1,2 $\geq 300m^2$, khu vực 3 $\geq 200m^2$; hội trường KV1 trên 200 chỗ ngồi, KV2 trên 150 chỗ ngồi, KV3 trên 100 chỗ ngồi, có đầy đủ các thiết bị cần thiết		Đã có nhà văn hóa xã đáp ứng tiêu chí	Đã có nhà văn hóa xã đáp ứng tiêu chí	Đã có nhà văn hóa xã đáp ứng tiêu chí	Đã có nhà văn hóa xã đáp ứng tiêu chí	Đã có nhà văn hóa xã đáp ứng tiêu chí	Đã có nhà văn hóa xã đáp ứng tiêu chí	Đã có nhà văn hóa xã đáp ứng tiêu chí	Đã có nhà văn hóa xã đáp ứng tiêu chí	Đã có nhà văn hóa xã đáp ứng tiêu chí	Đang thi công nhà văn hóa xã	Chưa có nhà văn hóa xã
		Sân thể thao xã	m2	4,086	400	730	10,000	1,200	1,000	600	1,200	4,300		
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể cho cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt											
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng, đạt 100%		Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	
		Tổng số thôn		16	5	14	13	11	7	7	7	18	4	
		Số thôn có nhà văn hóa		16	5	14	13	11	7	7	7	18	4	
		Số thôn có nhà văn hóa đủ diện tích		2	4	1			7	7	7	Đang thi công 7 nhà văn hóa thôn		
		Số thôn có nhà văn hóa chưa đủ diện tích	100%	14	1	13	13	11				18	4	
		Số thôn có sân thể thao		16	5	3	13	11	7	7	7			
		Số thôn có sân thể thao đủ diện tích		16	5	3		2	7	7	7			
		Số thôn có sân thể chưa đủ diện tích hoặc chưa có sân				11	13	9				18	4	
Tỷ lệ %		12.5	80	7.14	0	0	100	100	100		0			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn 2021-2025	Kết quả rà soát										
				Đình Lập	Cường Lợi	Bính Xá	Bắc Xa	Kiên Mộc	Bắc Lãng	Châu Sơn	Thái Bình	Lâm Ca	Đồng Thẳng	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Quy hoạch: Xã có Chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Có các cửa hàng (5 cửa hàng)	01 cửa hàng	46 cửa hàng	32 cửa hàng kinh doanh tạp hóa	Có các cửa hàng	Có các cửa hàng (2 cửa hàng)	Có các cửa hàng	Có các cửa hàng	Có các cửa hàng	Có các cửa hàng (06 cửa hàng)	
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Có (Dùng phòng của Ban VHXH)	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có (Dùng chung với phòng bảo vệ)	có	chưa có (đang mượn tạm nhà cán bộ bưu tá xã)
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet	Đạt	01 điểm; 15/16 thôn có sóng điện thoại	01 điểm; 5/5 thôn có sóng điện thoại	01 điểm; 07/14 thôn có sóng điện thoại	01 điểm; 07/13 thôn có sóng điện thoại	01 điểm; 07/11 thôn có sóng điện thoại	01 điểm; 07/7 thôn có sóng điện thoại	01 điểm; 05/7 thôn có sóng điện thoại	01 điểm; 06/7 thôn có sóng điện thoại	13/18 thôn có sóng điện thoại	có 02/4 thôn có sóng điện thoại	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	có 17/17 cụm loa hoạt động ở 16/16 thôn	có 8/8 cụm loa hoạt động ở 05/5 thôn	có 13/20 cụm loa hoạt động ở 13/14 thôn	2/14 cụm loa/13 thôn hoạt động	2/11 cụm loa/11 thôn hoạt động	10/11 cụm loa hoạt động/7 thôn	1 hoạt động/13 cụm loa/7 thôn	1 hoạt động/13 cụm loa/7 thôn	7/13 cụm loa/11/18 thôn hoạt động	6/6 cụm loa/4 thôn hoạt động	
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Có, Eoffice, Misa	Có, Eoffice, Misa	Có, Eoffice, Misa	Có, Eoffice, Misa	Có, Eoffice, Misa	Có, Eoffice, Misa	Có, Eoffice, Misa	Có, Eoffice, Misa	Có, Eoffice, Misa	Có, Eoffice, Misa	
				Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không có	Không có	Không có	13 nhà	Không có	Không có	02 nhà	0 nhà	Không có	25 nhà (hiện có 8 hộ đang triển khai xây dựng-được hỗ trợ KP)	14 nhà	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥ 75%											
		Tổng số hộ		1062	389	948	356	576	350	423	563	971	125	
		Số nhà kiên cố hoặc bán kiên cố (Nhà)		1002	357	763	320	513	320	320	431	959	80	
Tỷ lệ %	94.35	91.77	80.49	89.89	89.06	91.43	75.65	76.55	98.76	64.00				
III	Kinh tế và tổ chức sản xuất													
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm)	2021: 36tr	43.13	36.02	43.56	45.69	39.03	41.11	38.41	43.5	31.79	34.51	
			2022: 39tr							40.7		39		
			Dự kiến KQ năm 2022	43.13	49.00	45.00	45.00	39.03	47.00	41.30	39.06	39.00	37.00	
			2023: 42tr											
			2024: 45tr											
			2025: 48tr											
		Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (bao gồm cả hộ nghèo và hộ cận nghèo)		Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn 2021-2025	Kết quả rà soát										
				Đình Lập	Cường Lợi	Bính Xá	Bắc Xa	Kiên Mộc	Bắc Lãng	Châu Sơn	Thái Bình	Lâm Ca	Đồng Thắng	
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ.	Đạt	PCMN: Đạt; PCTH: 3; PCTHCS: 3; XMC: 2	PCMN: Đạt; PCTH: 3; PCTHCS: 3; XMC: 2	PCMN: Đạt; PCTH: 3; PCTHCS: 3; XMC: 2	PCMN: Đạt; PCTH: 3; PCTHCS: 3; XMC: 2	PCMN: Đạt; PCTH: 3; PCTHCS: 2; XMC: 2	PCMN: Đạt; PCTH: 3; PCTHCS: 2; XMC: 2	PCMN: Đạt; PCTH: 3; PCTHCS: 2; XMC: 2	PCMN: Đạt; PCTH: 3; PCTHCS: 2; XMC: 2	PCMN: Đạt; PCTH: 3; PCTHCS: 2; XMC: 2	PCMN: Đạt; PCTH: 3; PCTHCS: 2; XMC: 2	
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam, nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).	≥70%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả cả nam, nữ):	≥90%	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		Tổng số người		3,934	1,566	3,822	1,519	2,748	1,661	1,791	2,230	3,807	490	
		Số người tham gia bảo hiểm		3,707	1,134	2,779	1,103	2,318	1,385	1,661	2,200	3,677	490	
		Tỷ lệ %		94%	72%	73%	73%	84%	83%	93%	99%	97%	100%	
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế:	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi):	≤ 24%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám, chữa bệnh điện tử:	≥50%											
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới.	Trên 70% trở lên trên tổng số thôn	94,12% (16/17 thôn), 834 hộ đạt GDVH	100% (4/5 thôn), 316/387 hộ đạt GDVH	78,57% (11/14 thôn), 780 hộ đạt GDVH	92,3% (12/13 thôn), 310 hộ đạt GDVH	100% (11/11 thôn), 411 hộ đạt GDVH	71,42% (5/7 thôn), 303 hộ đạt GDVH	71,42% (05/7 thôn), 261 hộ đạt GDVH	71,42% (05/7 thôn), 417/561 hộ đạt GDVH	77,77% (14/18 thôn), 864 hộ đạt GDVH	100% (4/4 thôn)	
		17.1 Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		Xã không thuộc khu vực III	≥30% (≥ 10% từ hệ thống cấp nước tập trung)											
		Xã không thuộc khu vực III	≥20% (≥ 10% từ hệ thống cấp nước tập trung)											
		Tỷ lệ hộ sử dụng cấp nước tập trung		33%	84%	66%	49%	19%	67%	84%	52%	23%	66%	
		Tổng số hộ		1062	389	948	356	576	350	423	563	971	125	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn 2021-2025	Kết quả rà soát										
				Đình Lập	Cường Lợi	Bính Xá	Bắc Xa	Kiên Mộc	Bắc Lãng	Châu Sơn	Thái Bình	Lâm Ca	Đồng Thẳng	
17	Môi trường	Số hộ được sử dụng nước tập trung		355	327	626	176	108	234	357	292	227	83	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	90%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt
				04/4 cơ sở SXKD đã thực hiện TT về BVMT, 03/7 cơ sở mới phát sinh	01/03 cơ sở SXKD đã thực hiện TT về BVMT	6/6 Cơ sở SXKD đã thực hiện TT về BVMT	02/02 cơ sở SXKD đã thực hiện TT về BVMT	0/0 cơ sở SXKD đã thực hiện TT về BVMT	02/02 cơ sở SXKD đã thực hiện TT về BVMT	1/1 cơ sở SXKD đã thực hiện TT về BVMT	3/3 cơ sở SXKD đã thực hiện TT về BVMT	01/01 cơ sở SXKD đã thực hiện TT về BVMT	0/0 cơ sở SXKD đã thực hiện TT về BVMT	
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại khu dân cư tập trung	Đạt	95/95 tuyến đường đc dọn dẹp sạch sẽ	46/46 tuyến đường đc dọn dẹp sạch sẽ	36/36 tuyến đường đc dọn dẹp sạch sẽ	44/44 tuyến đường đc dọn dẹp sạch sẽ	24/24 tuyến đường đc dọn dẹp sạch sẽ	29/29 tuyến đường đc dọn dẹp sạch sẽ	8/18 tuyến đường đc dọn dẹp sạch sẽ	84/84 tuyến đường đc dọn dẹp sạch sẽ	45/76 tuyến đường đc dọn dẹp sạch sẽ	02/06 tuyến đường đc dọn dẹp sạch sẽ	
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥2m2/người											
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt (Khoảng cách)	Đạt (Khoảng cách)	Đạt (Khoảng cách)	Đạt (Cách nhà dân, nguồn nước trên 500m)	Đạt (Khoảng cách)	Đạt (Khoảng cách)	Đạt (Khoảng cách)	Đạt (Khoảng cách)	Đạt (Khoảng cách)	Đạt (Khoảng cách)	Đạt (Khoảng cách)
				10/17 thôn có quy hoạch nghĩa trang	5/5 thôn có quy hoạch nghĩa trang	09/14 thôn có quy hoạch nghĩa trang	5/13 thôn có quy hoạch nghĩa trang	01/11 thôn có quy hoạch nghĩa trang	7/7 thôn có quy hoạch nghĩa trang	02/7 thôn có quy hoạch nghĩa trang	02/07 thôn có quy hoạch nghĩa trang	05/18 thôn có quy hoạch nghĩa trang	04/4 thôn có quy hoạch nghĩa trang	
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥70%	100% (1.062/1.062 hộ/17 thôn được thu gom, xử lý)	65,03% (235/389) hộ/5 thôn được thu gom, xử lý	100% (948/94)8 hộ/14 thôn được thu gom, xử lý	100% (356/356) hộ/13 thôn được thu gom, xử lý	43,92% (253/576) hộ/11 thôn được thu gom, xử lý	39,14% (137/350) hộ/7 thôn được thu gom, xử lý	69,27% (390/563) hộ/7 thôn được thu gom, xử lý	74,23% (720/971) hộ/18 thôn được thu gom, xử lý	29,2% (35/120) hộ/4 thôn được thu gom, xử lý		
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	Chưa đạt	Chưa đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: "Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ"	≥70%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
		Tỷ lệ nhà tiêu hợp vệ sinh		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
		Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh		780	361	788	354	493	280	289	420	769	37	
		Tổng số hộ		1,062	389	948	356	576	350	419	563	971	125	
Tỷ lệ % hộ có nhà tiêu HVS		73.45	92.80	83.12	99.44	85.59	80.00	68.97	74.60	79.20	29.60			
Tỷ lệ nhà tắm hợp vệ sinh		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt		

Phụ lục 2: RÀ SOÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO BỘ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số: 228 /KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Tiêu chí	Đình Lập	Cường Lợi	Bính Xá	Bắc Xa	Kiên Mộc	Bắc Lãng	Châu Sơn	Thái Bình	Lâm Ca	Đông Thắng	Tổng cộng	Tỉ lệ (%)
1	Quy hoạch	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	10	100.0%
2	Giao thông	1	2024	2023	2024	2024	1	1	2023	2023	2023	3	30.0%
3	Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	10	100.0%
4	Điện	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	10	100.0%
5	Trường học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2024	9	90.0%
6	Cơ sở vật chất văn hoá	2023	2023	2024	2024	2024	1	1	1	2023	2024	3	30.0%
7	Cơ sở hạ tầng TM nông thôn	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	10	100.0%
8	Thông tin và truyền thông	2022	2022	2023	2023	2023	2022	2022	2022	2022	2022	7	70.0%
9	Nhà ở dân cư	1	1	2024	1	1	1	1	1	2023	2024	7	70.0%
10	Thu nhập	1	1	1	1	1	1	1	1	2023	2024	8	80.0%
11	Nghèo đa chiều	2023	2023	2023	2022	2024	1	1	2024	2023	2024	3	30.0%
12	Lao động	2022	1	2022	2022	1	1	1	2022	2022	2022	4	40.0%
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	1	1	2023	2024	2022	1	1	2022	2023	2024	6	60.0%
14	Giáo dục và Đào tạo	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	10	100.0%
15	Y tế	2022	2022	2023	2023	2023	1	1	2023	2023	2023	4	40.0%
16	Văn hoá	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	10	100.0%
17	Môi trường và AT thực phẩm	1	1	1	1	1	1	1	1	2023	2024	8	80.0%
18	HT chính trị và tiếp cận Pháp luật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2023	9	90.0%
19	Quốc phòng và an ninh	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	10	100.0%
	Cộng toàn huyện năm 2022	17	16	12	14	14	19	19	16	11	9	147	
	Tỷ lệ đạt bình quân tiêu chí/xã	17	16	12	14	15	19	19	16	11	9	14.70	
	Năm 2023 (dự kiến)	19	18	17	16	16	19	19	18	19	12	173	

BIỂU 3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 9 TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Kế hoạch số: 228 /KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Thực trạng	Tự đánh giá	Tổng hợp, quy mô, khối lượng cần thực hiện để hoàn thành tiêu chí	Ghi chú
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	Đạt	Đang triển khai xây dựng Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đình Lập, đã thực hiện lấy ý kiến của các cơ quan liên quan lần 2	Chưa đạt	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đình Lập	
		1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	≥ 01 công trình	Chưa có	Chưa đạt	Nâng cấp, cải tạo nền mặt đường, công trình thoát nước, vỉa hè tham khảo tiêu chuẩn TCXDVN 104-2007 “Đường đô thị yêu cầu thiết kế” đường trục chính với 2 làn xe; Xây dựng mới vỉa hè, block, rãnh biên hai bên rộng trung bình mỗi bên 2,5-3,0m, diện tích sử dụng 6.000m ²	
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm	Đạt	Đã có hệ thống giao thông kết nối tới các xã đi lại thuận tiện và được bảo trì hàng năm	Đạt	Duy trì hệ thống giao thông kết nối tới các xã đi lại thuận tiện và triển khai có hiệu quả công tác bảo trì đường giao thông trên địa bàn	
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	- Đường bộ: Toàn huyện có 112,8km/169km được nhựa hóa, còn 56,2km đường cấp phối chưa được nhựa hóa phù hợp TCVN4054:2005; + Duy tu, bảo dưỡng đường huyện đạt 100%; - Vận tải: có bến xe chưa đạt chuẩn	Chưa đạt	Đầu tư nâng cấp 06 tuyến/56,2km đường huyện đạt chuẩn;	
		2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường	≥50%	Cây xanh được trồng dọc tuyến đường ở khu vực trung tâm xã	Chưa đạt	Tiếp tục triển khai trồng cây xanh dọc các tuyến đường, đảm bảo >50% tổng chiều dài tuyến đường toàn huyện	
		2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	Đạt	Đang triển khai lập quy hoạch mới bến xe khách tại trung tâm huyện (Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập tại Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 11/9/2021 của UBND tỉnh)	Chưa đạt	Xây dựng bến xe khách tại trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn loại IV	

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Thực trạng	Tự đánh giá	Tổng hợp, quy mô, khối lượng cần thực hiện để hoàn thành tiêu chí	Ghi chú
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Toàn huyện có 92 công trình với tổng chiều dài km kênh: 197,3km, trong đó: Kênh xây đã kiên cố: 137,87km; Kênh đất: 59,43km. Năng lực phục vụ tưới của các công trình trên địa bàn là 1.490ha, trong đó: vụ Xuân là 600ha, vụ Mùa là 890ha. - Hệ thống thủy lợi liên xã đã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch, tỷ lệ tưới và tiêu diện tích đất nông nghiệp đã đạt trên 80%, đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về PCTT tại chỗ.	Đạt	Duy trì Hệ thống thủy lợi liên xã đã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch, tỷ lệ tưới và tiêu diện tích đất nông nghiệp đã đạt trên 80%, đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về PCTT tại chỗ; 100% các công trình thủy lợi đều có tổ quản lý, vận hành theo quy định	
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	10/10 xã đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Tiếp tục Thành lập và kiện toàn các tổ quản lý và triển khai giao công trình cho các tổ thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đảm bảo các công trình đáp ứng đủ các điều kiện về phòng chống thiên tai tại chỗ; duy trì và củng cố lực lượng đội xung kích PCTT cấp xã theo quy định	
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Hệ hồng lưới điện trung thế liên xã gồm các cấp điện áp: 35kv, 10kv được đầu tư theo quy hoạch đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng dẫn thực hiện của Bộ Công thương. Tuy nhiên để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cần mở rộng một số tuyến cấp điện tại các xã	Đạt	Cải tạo, nâng cấp sửa chữa hệ thống điện, điện chiếu sáng thị trấn Đình Lập, thị trấn Nông Trường Thái Bình	
		5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn	Đạt	Trung tâm Y tế huyện đã đạt chuẩn hạng III năm 2019 theo Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND tỉnh về việc xếp hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế	Đạt	Đầu tư mở rộng phòng khám, khu nhà điều trị, khu kiểm soát nhiễm khuẩn Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn	
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã	Đạt	Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Truyền thông huyện về cơ cấu tổ chức biên chế là 23	Chưa đạt	Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hóa thể thao và dân cư huyện Đình Lập; triển khai xây dựng Nhà văn hóa, Quảng trường khu trung tâm văn hóa thể thao và Sân thể thao, hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm văn hóa thể thao huyện Đình Lập	

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Thực trạng	Tự đánh giá	Tổng hợp, quy mô, khối lượng cần thực hiện để hoàn thành tiêu chí	Ghi chú
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	≥ 60%	Toàn huyện có 2 trường (1 trường THPT và 01 trường PTDT nội trú THCS&PTPT), trong đó Trường PTDT nội trú THCS đã đạt chuẩn quốc gia khi chưa sát nhập	Chưa đạt	Trường THPT: Quy mô dự án 13.289,5m ² , tổng mức đầu tư dự án 20.758 triệu đồng, gồm cải tạo, sửa chữa nhà 12 lớp học, cao 3 tầng, nhà hiệu bộ và thí nghiệm cao 3 tầng; xây mới nhà 08 lớp học và 8 phòng học bộ môn, cao 4 tầng, nhà đa năng, nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và sân lát gạch. Trường PTDT nội trú THCS&PTPT đầu tư mở rộng thêm trường với diện tích 1.495m ² , xây dựng thêm 1 dãy kí túc xá HS gồm 34 phòng và 1 dãy gồm 6 phòng học, 1 phòng chuyên môn, 1 phòng kho nữa và sân chơi cho học sinh.	
		5.4. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 1	Hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn về kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	Không đạt	Cải tạo nhà lớp học, hành chính 02 tầng, phòng tin học, phòng thiết bị và các công trình phụ trợ (công, tường rào, nhà xe, kè, sân...)	
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn	Đạt	Trên địa bàn huyện chưa có cụm công nghiệp, khu công nghiệp	Chưa đạt	Xây dựng cơ sở hạ tầng cụm Công nghiệp Đình Lập với quy mô 71,39ha, trên địa bàn xã Đình Lập với ngành nghề kinh doanh chủ yếu công nghiệp chế biến gỗ, nhựa thông, nông lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp điện, điện tử, viễn thông, thiết bị y tế, điện lạnh, may mặc, chế biến thực phẩm, nước giải khát, kho vận và một số ngành nghề khác	
		6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Chợ trung tâm huyện chưa đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Chưa đạt	Xây dựng chợ trung tâm huyện Đình Lập đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm với quy mô 5.228m ² , xây dựng chợ 3 tầng, đảm bảo thiết kế được chợ Hạng II theo tiêu chuẩn 9211:2012	
		6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Hiện nay trên địa bàn huyện đã có các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện như: Vùng sản xuất chè tập trung quy mô 195ha liên kết tiêu thụ sản phẩm với Công ty CP chè Thái Bình, Cơ sở chế biến chè Đồng Thuộc; Vùng sản xuất trồng cây Thông quy mô 50.000ha; Vùng sản xuất trồng cây Keo với diện tích trên 12.000ha, vùng sản xuất cây bạc đàn 2.000ha	Đạt	Tiếp tục rà soát, quy hoạch và mở rộng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với các cây trồng, vật nuôi chủ lực của huyện, tỉnh theo kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 25/11/2020 của Tỉnh ủy Lạng Sơn về xây dựng và phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu trong lĩnh vực nông nghiệp, giai đoạn 2020-2030.	

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Thực trạng	Tự đánh giá	Tổng hợp, quy mô, khối lượng cần thực hiện để hoàn thành tiêu chí	Ghi chú
		6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đạt	Có Trung tâm dịch vụ nông nghiệp có chức năng chuyển giao khoa học kỹ thuật hoạt động hiệu quả	Đạt	Duy trì và nâng cao chất lượng Trung tâm dịch vụ nông nghiệp về chức năng chuyển giao khoa học kỹ thuật hoạt động hiệu quả	
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh	Đạt	Hiện nay dịch vụ thu gom xử lý chất thải rắn đã được triển khai thực hiện tại thị trấn Đình Lập, thị trấn Nông Trường Thái Bình và xã Đình Lập, hệ thống thu gom xử lý chất thải rắn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 20% tổng khối lượng được thu gom xử lý; đối với các xã hoàn thành nông thôn mới đã được hỗ trợ xây dựng các mô hình xử lý chất thải rắn tại các khu dân cư, biện pháp xử lý đốt (bao bì túi nilông), tái sử dụng làm thức ăn chăn nuôi (chất thải hữu cơ) và chôn lấp trực tiếp (chất thải vô cơ).	Chưa đạt	Mở rộng bãi chôn lấp rác thải khu vực Bình Chương 1 xã Đình Lập, diện tích 500m ² ; xây dựng các trạm trung chuyển rác thải trên địa bàn các xã	
		7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 40\%$	Đang triển khai, chưa đạt tỷ lệ theo quy định	Chưa đạt	Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đảm bảo theo quy định	
		7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên	≥ 01	Trên địa bàn huyện chưa có mô hình tái chế chất thải hữu cơ	Chưa đạt	Xây dựng 01 mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên, quy mô 1.000m ² (Khu vực tập kết nguyên liệu, khu sơ chế ban đầu, khu chế biến, khu vực thành phẩm), kinh phí đầu tư khoảng 500 triệu đồng, dự kiến thực hiện trên địa bàn xã Đình Lập	
			mô hình	Chưa có			
		7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	≥ 01	Chưa có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	Chưa đạt	Xây dựng 02 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại Trung tâm Y tế và Khu 6 thị trấn Nông Trường Thái Bình	
			công trình				
		7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	100%	Trên địa bàn huyện chưa có khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề	Chưa đạt	Tăng cường công tác kiểm tra đối với các cơ sở hoạt động trong khu tiểu thủ công nghiệp, tuyên truyền nâng cao ý thức về Bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện	
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2$ /người	Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt $\geq 2\text{m}^2$ /người	Đạt	Tuyên truyền người dân trồng cây xanh tại điểm dân cư nông thôn	
7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	Hiện tại tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom tái chế, xử lý theo quy định khoảng 30%	Chưa đạt	Tuyên truyền phân loại rác thải để tái chế tối đa, và rác thải nhựa được thu gom xử lý theo đúng quy định			

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Thực trạng	Tự đánh giá	Tổng hợp, quy mô, khối lượng cần thực hiện để hoàn thành tiêu chí	Ghi chú
		7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	100%	Trên địa bàn có 2 điểm tập kết, đã đảm bảo cơ sở hạ tầng và bảo vệ môi trường theo quy định (Đã được xác nhận thủ tục về môi trường theo quy định)	Đạt	Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của các điểm tập kết.	
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Đạt	Hiện toàn huyện chưa có Nhà máy cung cấp nước sạch theo quy chuẩn Bộ Y tế đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho các hộ	Đạt	Duy trì và nâng cao tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn.	
		8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥ 35%	Hiện toàn huyện có tổng số 64 công trình cấp NSH nông thôn, trong đó tình trạng hoạt động các công trình không bền vững, do đây là các công trình giao cho cộng đồng thôn tự quản lý, không có bơm dẫn, chủ yếu là tự chảy	Chưa đạt	Nhằm đảm bảo cung cấp nước hợp vệ sinh và nâng tỷ lệ công trình hoạt động bền vững >35%. Trong giai đoạn 2021 - 2025 cần đầu tư sửa chữa, nâng cấp và làm mới 15 công trình NSH tập trung với tổng kinh phí 18,7 tỷ đồng.	
		8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Đạt	Hiện tại chưa có phương án kiểm kê, kiểm soát chất lượng nước mặt trên địa bàn huyện	Chưa đạt	Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án kiểm kê, kiểm soát chất lượng nước mặt trên địa bàn huyện	
		8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và an toàn	Đạt	Duy trì xây dựng cảnh quan, không gian sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn trên địa thị trấn và các xã đã hoàn thành tiêu nông thôn mới, tiếp tục lên kế hoạch xây dựng cảnh quan sáng - xanh - sạch đẹp tại các xã còn lại	Chưa đạt	Xây dựng kế hoạch chỉnh trang đô thị, dọn dẹp vệ sinh tại thị trấn Đình Lập và thị trấn Nông Trường Thái Bình, 10 xã, duy trì xây dựng cảnh quan, không gian sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn trên thị trấn và các xã đã hoàn thành tiêu nông thôn mới, tiếp tục lên kế hoạch xây dựng cảnh quan sáng - xanh - sạch đẹp tại các xã còn lại	
		8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 80%	Chưa đạt	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm phần đầu đạt 100%	
		9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Phần đầu hàng năm đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	
		9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	Các tổ chức chính trị xã hội của huyện đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Các tổ chức chính trị xã hội của huyện bao gồm Mặt trận, Phụ nữ, Thanh niên, Hội CCB, Hội ND đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Thực trạng	Tự đánh giá	Tổng hợp, quy mô, khối lượng cần thực hiện để hoàn thành tiêu chí	Ghi chú
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Không	Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Đạt	Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật	
		9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự	Đạt	Cơ bản đảm bảo an ninh, trật tự	Đạt	Xây dựng mô hình camera an ninh tại xã Châu Sơn (06 cái), mô hình an ninh trật tự tại xã Đình Lập, xã Cường Lợi	
		9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên đạt 60%	Đạt	Tiếp tục duy trì 42/254 TTHC mức độ 3, 150/254 TTHC mức độ 3 theo Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 29/5/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn	
		9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Tính đến năm 2021 toàn huyện có 12/12 xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.	Đạt	Năm 2022 huyện tự chấm điểm tiếp cận pháp luật đạt 91 điểm; tiếp tục ban hành các văn bản theo thẩm quyền, công khai đầy đủ, kịp thời các quy định về tiếp cận pháp luật, ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, tổ chức tiếp công dân; giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định	

BIỂU 5. NHU CẦU KẾ HOẠCH VỐN THỰC*(Kèm theo Kế hoạch số: 228 /K*

TT	Tên dự án
	Tổng
I	Tiêu chí Quy hoạch
1	Công tác Quy hoạch vùng huyện
2	Nâng cấp, cải tạo nền mặt đường, công trình thoát nước, vỉa hè tham khảo tiêu chuẩn TCXDVN 104-2007 “Đường đô thị yêu cầu thiết kế” đường trục chính với 2 làn xe; Xây dựng mới vỉa hè, block, rãnh biên hai bên rộng trung bình mỗi bên 2,5-3,0m
II	Tiêu chí Giao thông
	Tổng đường huyện ĐH
1	Cứng hóa Đường huyện ĐH.41 (Dự kiến dùng vốn dự đường Khau Bân - Pò Khoang - Nà Lừa)
2	Cứng hóa Đường huyện ĐH.42 (Chưa được bố trí vốn)
3	Cứng hóa Đường huyện ĐH.44 (chưa được bố trí vốn)
4	Cứng hóa Đường huyện ĐH.48 (Đang thực hiện thi công tại Thông báo số 1714/TB-BQLDADTXD ngày 31/12/2021 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh)
5	Cứng hóa Đường huyện ĐH.40 (Đã được ghi vốn trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh)
6	Cứng hóa Đường huyện ĐH.47 (Đã thực hiện khảo sát dự kiến sử dụng nguồn vốn Jica)
7	Đầu tư nâng cấp Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên
III	Tiêu chí Y tế - Văn hóa - Giáo dục
1	Đầu tư mở rộng phòng khám, khu nhà điều trị, khu kiểm soát nhiễm khuẩn Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn
2	Tỷ lệ Trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên

-	Trường THPT: Cải tạo, sửa chữa nhà 12 lớp học, cao 3 tầng, nhà hiệu bộ và thí nghiệm cao 3 tầng; xây mới nhà 08 lớp học và 8 phòng học bộ môn, cao 4 tầng, nhà đa năng, nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và sân lát gạch.
-	Trường PTDT Nội trú THCS&PTPT: Xây dựng thêm 1 dãy kí túc xá HS gồm 4 phòng và 1 dãy gồm 6 phòng học, 1 phòng chuyên môn, 1 phòng kho và sân chơi cho học sinh.
3	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã (<i>Giải phóng mặt bằng khoảng 44,7 tỷ đồng; sân vận động và khu vực kỹ thuật 44,2 tỷ đồng; nhà văn hóa huyện và quảng trường - 44,8 tỷ đồng</i>)
4	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục (<i>Xây dựng phòng học chức năng, sửa chữa trường lớp, sân, tường rào, phòng học bộ môn</i>)
IV	Tiêu chí Kinh tế
1	Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn (<i>Xây dựng cụm công nghiệp Đình Lập</i>)
2	Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm (<i>Xây dựng, cải tạo, nâng cấp chợ trung tâm huyện</i>)
V	Tiêu chí Môi trường
1	Xây dựng 01 mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên
2	Xây dựng 02 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp
VI	Đầu tư xây dựng thị trấn đạt đô thị văn minh
1	Thị trấn Đình Lập
-	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường trục khu phố
-	Đầu tư các hệ thống biển báo, sơn kẻ đường
2	Thị trấn Nông Trường Thái Bình
-	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường trục khu phố
-	Đầu tư các hệ thống biển báo, sơn kẻ đường
-	Đầu tư hệ thống chiếu sáng

HIỆN CÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(H-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Địa điểm thực hiện	ĐVT	Quy mô	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự kiến vốn	
					NS TW	NS tỉnh
				1,173,031	206,500	95,908
				2,500		2,500
				12,433		
		64.7				
	Km	7.5		22,500	22,500	
	Km	7.5		22,500	22,500	
	Km	0.4		1,200	1,200	
	Km	29.3		87,900	87,900	
	Km	10		30,000	30,000	
	Km	10		30,000	30,000	
				40,000		
				5,000		5,000

				20,758		20,758
				4,500		4,500
				133,700		
				2,400	2,400	
				635,100		
				25,000		
				10,000	5,000	3,150
				70,000	5,000	60,000
Các khu trên địa bàn thị trấn	km	6.45	2022-2023	7,740		
				600		
	km	5.5		6,600		
				600		
				2,000		

133,700	
	635,100
5,000	20,000
1,350	500
2,500	2,500
7,740	
600	
6,600	
600	
2,000	

Ghi chú

BIỂU 6. CHI TIẾT DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ ĐỒNG THẮNG HOÀN THÀNH NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: 228 /KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danhs mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Vốn đã bố trí năm 2021						Vốn đã bố trí năm 2022						Vốn còn thiếu để đạt kế hoạch nông thôn mới năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023						Vốn còn thiếu để đạt kế hoạch nông thôn mới năm 2023			
						Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động				
							NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)		NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số		CT MTQG Giảm nghèo bền vững		Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)	NSTW	NST	NSH		CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	7	8	9	10	11	12	13	0	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG CỘNG				31,403	0	0	0	0	0	0	0	9,608	0	720	8,558	300	0	30	0	9,470	2,175	1,050	272	5,900	0	74	12,325
I	TIÊU CHÍ QUY HOẠCH				200	0	0	0	0	0	0	0	200	0	200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Quy hoạch chi tiết Trung tâm xã				200								200		200													
II	TIÊU CHÍ GIAO THÔNG				11,713	0	0	0	0	0	0	0	8,558	0	0	8,558	0	0	0	0	3,155	2,175	635	272	0	0	74	0
1	Nâng cấp, sửa chữa đường ĐX.436, Nà Tú - Khe Lạn xã Đồng Thắng	km	3.6	187/QĐ-UBND, 15/1/2021; 4871/QĐ-UBND 27/12/2022	10,733								8,558			8,558					2,175	2,175						-
2	Đường liên thôn, trục thôn	km	0.5		980																980		635	272				74
III	TIÊU CHÍ TRƯỜNG HỌC				13,467	0	0	0	0	0	0	0	200	0	0	0	200	0	0	0	3,000	0	0	0	3,000	0	0	10,267
	Trường Mầm non, Tiểu học xã Đồng Thắng	Xã Đồng Thắng	05 lớp học mầm non, 05 lớp học TH, khu hành chính, phòng bộ môn, nhà công vụ GV		13,467								200			200					3,000				3,000			10,267
IV	TIÊU CHÍ CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA				5,773	0	0	0	0	0	0	0	650	0	520	0	100	0	30	0	3,065	0	165	0	2,900	0	0	2,058
1	Nhà văn hóa xã Đồng Thắng	Xã Đồng Thắng	đạt chuẩn		4,658								100				100				2,500				2,500			2,058
2	Xây mới nhà văn hóa thôn Nà Quan	53 hộ	xây mới		250								140		130			10			110				110			-
3	Xây mới nhà văn hóa thôn Nà Xoong	41 hộ	xây mới		250								140		130			10			110				110			-
4	Xây mới nhà văn hóa thôn Pác Coóc	10 hộ	xây mới		225								135		130			5			90				90			-
5	Xây mới nhà văn hóa thôn Khe Lạn	14 hộ	xây mới		225								135		130			5			90				90			-
6	Dụng cụ thể thao cho Khu thể thao xã				30																30		30					
7	Thiết chế nhà văn hóa các thôn				100																100		100					
8	Công cụ, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho các thôn				35																35		35					
V	TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG				250	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250	0	250	0	0	0	0	0
	Hỗ trợ xây dựng HVVS, lò đốt rác, bể thu gom thuốc bảo vệ thực vật		90-HVS, 20-lò đốt rác, 10-bê thu gom thuốc bảo vệ thực vật		250																250		250					

NTM 2024

NTM 2024

NTM 2024

950

NTM 2024

NTM 2024

NTM 2024

BIỂU 7. CHI TIẾT DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ LÂM CA HOÀN THÀNH NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số: 228 /KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Năng lực thiết kế	Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Vốn đã bố trí năm 2021						Vốn đã bố trí năm 2022						Vốn còn thiếu để đạt kế hoạch nông thôn mới năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023								
						Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			
							NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)		NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số		CT MTQG Giảm nghèo bền vững		Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)	NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)
1	2		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	7	8	9	10	11	12	13		14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG CỘNG				106,202	221	0	0	0	0	0	221	14,169	0	2,368	68	10,347	0	1,196	36,316	33,834	0	7,610	3,202	15,426	0	7,086
I	TIÊU CHÍ QUY HOẠCH				200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Quy hoạch chi tiết Trung tâm xã				200										200												
II	TIÊU CHÍ GIAO THÔNG		24,60		66,045	80	0	0	0	0	0	80	6,230	0	158	68	5,700	0	304	20,106	27,258	0	7,470	3,202	9,500	0	7,086
1	Củng hóa ĐX.422, Khe Xiéc - Khe Loông	km	1.50	2843/QĐ-UBND ngày 27/7/2021	1,959	80					80	300					300		1,579								
2	Nâng cấp, sửa chữa đường ĐX 423 Pác Vãn - Nà Khu - Khe Buông - Bàn Xum	km	10.00		15,672							100					100		6,000					6,000			
3	Củng hóa mặt đường Bình Thắng - Khe Sen ĐX.426	lkm	5.20	2795/QĐ-UBND ngày 09/8/2021	9,609	-						2,200					2,200		7,409								
4	Công trình Củng hóa mặt đường ĐX.427, Bình Lâm - Hòa Bình	km	5.20	2783/QĐ-UBND, 06/8/2021; 498/QĐ-UBND ngày 28/2/2022	14,017							2,900					2,900		11,117								
5	Cải tạo, nâng cấp đường Khe Dâm - Nà Mười - Đông Luông ĐX.428	km	1.50		4,500							100					100		2,000					2,000			
6	Cải tạo, nâng cấp đường Khe Lâm - Nà Khu	km	1.20		2,000							100					100		1,500					1,500			
7	Đường liên thôn, trục thôn	km	3.2		6,233														6,233			4,035	1,730			467	
8	Đường làng, ngõ xóm	km	10.1		12,054							530		157.8	67.6			304.1		11,525			3,434	1,472		6,619	
III	THỦY LỢI				1,679	0	0	0	0	0	0	100	0	0	0	100	0	0	1,579	0	0	0	0	0	0	0	0
	Thủy lợi thôn Khe Sen		Cấp nước 52 hộ dân	3078/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1,679	-						100					100		1,579								
IV	TIÊU CHÍ ĐIỆN				4,390	16	0	0	0	0	0	16	1,000	0	0	0	1,000	0	0	3,374	0	0	0	0	0	0	0
	Cấp điện thôn Bình Lâm - Hòa Bình, xã Lâm Ca, huyện Đình Lập		01TBA; 2,5Km đường dây trung thế; 03Km đường dây hạ thế	4964/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	4,390	16					16	1,000					1,000		3,374								
V	TIÊU CHÍ TRƯỜNG HỌC				18,512	0	0	0	0	0	0	2,829	0	0	0	2,829	0	0	8,133	3,600	0	0	0	3,600	0	0	
1	Trường tiểu học II xã Lâm Ca		Nhà lớp học 2 tầng; nhà để xe	2095/QĐ-UBND ngày 13/7/2021	10,812	-						2,679				2,679		8,133									
2	Trường mầm non I xã Lâm Ca		6 phòng học 03 phòng chức năng		6,500							100				100		3,000						3,000			
3	Điểm trường Khe Buông, trường Tiểu học II xã Lâm Ca		02 phòng học		1,200							50				50		600						600			
VI	TIÊU CHÍ CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA				9,979	0	0	0	0	0	0	3,302	0	2,010	0	60	0	842	0	2,036	0	0	0	1,526	0	0	
1	Xây mới nhà văn hóa xã Lâm Ca		Nhà 1 tầng đạt chuẩn		4,372																						
2	Xây mới nhà văn hóa thôn Bình An	103 hộ	xây mới		391							218		130				88		110				110			

3	Xây mới nhà văn hóa thôn Bình Ca	89 hộ	xây mới		391							219		130				89		116				116			
4	Xây mới nhà văn hóa thôn Bình Giang	107 hộ	xây mới		391							233		130				103		100				100			
5	Xây mới nhà văn hóa thôn Bình Lâm	47 hộ	xây mới		338							177		130				47		110				110			
6	Xây mới nhà văn hóa thôn Bình Thắng	34 hộ	xây mới		338							164		130				34		120				120			
7	Xây mới nhà văn hóa thôn Khe Chim	28 hộ	xây mới		338							160		130				30		125				125			
8	Xây mới nhà văn hóa thôn Khe Ca	70 hộ	xây mới		391							200		130				70		125				125			
9	Xây mới nhà văn hóa thôn Khe Buông	33 hộ	xây mới		338							163		130				33		125				125			
10	Xây mới nhà văn hóa thôn Pắc Vãn	56 hộ	xây mới		391							186		130				56		140				140			
11	Xây mới nhà văn hóa thôn Thống Nhất	79 hộ	xây mới		391							217		130				87		110				110			
12	Xây mới nhà văn hóa thôn Bàn Lạn	47 hộ	xây mới		338							177		130				47		110				110			
13	Xây mới nhà văn hóa thôn Khe Lầm	20 hộ	xây mới		338							150		130				20		135				135			
14	Sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa thôn Khe Dăm	135 hộ	sửa chữa, cải tạo		173							158		90				68		20				20			
15	Sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa thôn Nà Mười	25 hộ	sửa chữa, cải tạo		130							115		90				25		20				20			
16	Sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa thôn Nà Khu	33 hộ	sửa chữa, cải tạo		120							105		90				15		20				20			
17	Sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa thôn Khe Sen	22 hộ	sửa chữa, cải tạo		116							101		90				11		20				20			
18	Sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa thôn Hòa Bình	37 hộ	sửa chữa, cải tạo		124							109		90				19		20				20			
19	Dụng cụ thể thao cho Khu thể thao xã				30															30							
20	Thiết chế nhà văn hóa các thôn				450							450					60			390							
21	Công cụ, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho các thôn				90															90							
VII	TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG				5,397	125	0	0	0	0	0	125	708	0	0	0	658	0	50	3,124	940	0	140	0	800	0	0
1	Nước sinh hoạt tập trung thôn Bình Thắng, Khe Sen		Xây bể đầu nguồn, bể chứa, bể lọc, đường ống dẫn nước dài 5km, phục vụ 55 hộ dân		1,400	50						50	50					50		800				800			
2	Nước sinh hoạt tập trung thôn Thống Nhất (giai đoạn 1)		Cấp nước 52 hộ dân	2780/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	1,235	75						75	400			400			760								
3	Nước sinh hoạt tập trung thôn Khe Dăm		Cấp nước 131 hộ dân	619/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	2,622	-						258			258				2,364								
4	Hỗ trợ xây dựng HVVS, lò đốt rác, bể thu gom thuốc bảo vệ thực vật		55-HVS, 10-lò đốt rác, 20-bê thu gom thuốc bảo vệ thực vật		140															140			140				

Vốn còn
thiếu để
đạt kế
hoạch
nông thôn
mới năm
2023

21

16,872

0

12,372

9,572

2,400

400

0

0

3,950

3,400

550

0

BIỂU 8. CHI TIẾT DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ CHÂU SƠN HOÀN THÀNH NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số: 228 /KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	ĐVT	Năng lực thiết kế	Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Vốn đã bố trí trước năm kế hoạch						Kế hoạch vốn năm 2022						Vốn còn thiếu để đạt kế hoạch nông thôn mới năm 2022		
						Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			
							NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)		NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số		CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG CỘNG				47,804	290	0	0	0	0	0	290	28,893	3,800	1,601	10,902	11,944	0	581	18,886
I	TIÊU CHÍ QUY HOẠCH				200	0	0	0	0	0	0	0	200	0	200	0	0	0	0	200
	Quy hoạch chi tiết trung tâm xã				200								200		200					200
II	TIÊU CHÍ GIAO THÔNG				15,017	80	0	0	0	0	0	80	12,664	0	1,341	9,942	800	0	581	2,273
1	Cứng hóa ĐX.401, Nà Nát -Khe Pặn Giữa xã Châu Sơn	km	1.50	2794/QĐ-UBND ngày 09/8/2021	1,500	80						80	800				800			620
2	Cứng hóa đường Châu Sơn - Khe Luông (giai đoạn 2)	km	7.30	2851/QĐ-UBND ngày 11/8/2021; 4947/QĐ ngày 31/12/2021	11,020	-							9,367			9,367				1,653
3	Đường liên thôn, trục thôn	km	0.87		1,709								1,709		1,107	474				128
4	Đường làng, ngõ xóm	km	0.66		788								788		235	101				453
III	TIÊU CHÍ TRƯỜNG HỌC				21,831	100	0	0	0	0	0	100	9,400	3,800	0	0	5,600	0	0	12,331
1	Trường tiểu học xã Châu Sơn		Nhà Phòng học 2 tầng, nhà vệ sinh	2801/QĐ-UBND ngày 09/8/2021	5,284	15						15	2,600				2,600			2,669
2	Trường PTDTBT THCS Châu Sơn		Nhà hành chính 2 tầng	450/QĐ-UBND ngày 23/2/2022	6,404	30						30	3,000				3,000			3,374
3	Điểm trường Nà Van trường Mầm non Châu Sơn		Nhà lớp học 2 tầng; nhà để xe	518/QĐ-UBND ngày 28/2/2022	2,076	30						30	1,100	1,100						946
4	Điểm trường Khe Pặn Ngọn trường Tiểu học xã Châu Sơn		Nhà lớp học 1 tầng, công, tường	499/QĐ-UBND ngày 28/2/2022	2,567	15						15	1,100	1,100						1,452
5	Điểm trường chính trường Mầm non xã Châu Sơn		Nhà hiệu bộ 2 tầng, nhà bếp	2048/QĐ-UBND ngày 7/7/2021	5,500	10						10	1,600	1,600						3,890
IV	TIÊU CHÍ CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA				4,836	30	0	0	0	0	0	30	3,161	0	0	460	2,636	0	0	1,710
1	Nhà văn hóa xã Châu Sơn		Nhà 1 tầng đạt chuẩn	2049/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	4,200	30						30	2,525				2,525			1,645
2	Xây mới nhà văn hóa thôn Thống Nhất	69 hộ			250								250			250				

TT	Danh mục dự án	DVT	Năng lực thiết kế	Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Vốn đã bố trí trước năm kế hoạch						Kế hoạch vốn năm 2022						Vốn còn thiếu để đạt kế hoạch nông thôn mới năm 2022		
						Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			
							NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)		NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số		CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
3	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa, sân thể thao thôn Nà Van	52 hộ			70								70			70				
4	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa, sân thể thao thôn Khe Cù	55 hộ			70								70			70				
5	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa, sân thể thao thôn Nà Nát	94 hộ			70								70			70				
6	Thiết chế văn hóa cho các thôn				111								111				111			
7	Khu thể thao xã (dụng cụ thể thao cho sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông)		cầu gôn, lưới, bóng, vợt, cầu		30								30							30
8	Công cụ, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho các thôn				35								35							35
V	TIÊU CHÍ Y TẾ				3,938	30	0	0	0	0	0	30	2,308	0	0	0	2,308	0	0	1,600
	Trạm Y tế xã Châu Sơn		Trạm 2 tầng	495/QĐ-UBND ngày 28/2/2022	3,938	30						30	2,308				2,308			1,600
VI	TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG VÀ ATTP				1,982	50	0	0	0	0	0	50	1,160	0	60	500	600	0	0	772
1	Nước sinh hoạt tập trung thôn Khe Pặm Ngọn		Cấp nước 52 hộ dân	3091/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	822	50						50	400				400			372
2	Nước sinh hoạt tập trung thôn Thống Nhất, xã Châu Sơn		Cấp nước 25 hộ dân		1,100	-							700			500	200			400
3	Hỗ trợ xây dựng nhà tiêu, nhà tắm		15 nhà tiêu, 15 nhà tắm HVS		60								60		60					

BIỂU 9. CHI TIẾT DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO XÃ BẮC LÃNG HOÀN THÀNH NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số: 228 /KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Vốn đã bố trí năm 2021							Kế hoạch vốn năm 2022							Vốn còn thiếu để đạt kế hoạch nông thôn mới năm	
						Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động				
							NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Von khác (gồm cả đóng góp quy đổi)		NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Von khác (gồm cả đóng góp quy đổi)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
c	TỔNG CỘNG				8,603	10	0	0	0	0	0	10	3,903	636	1,283	1,254	140	0	589	1,331	
I	TIÊU CHÍ QUY HOẠCH				200	0	0	0	0	0	0	0	200	0	200	0	0	0	0	0	
	Quy hoạch chi tiết Trung tâm xã				200								200		200						
II	TIÊU CHÍ GIAO THÔNG				3,536	10	0	0	0	0	0	10	2,195	636	685	284	0	0	589	1,331	
1	Xây mới cầu ngầm Khe Hà	xã Bắc Lãng	538m	544/QĐ-UBND ngày 07/3/2022	1,977	10						10	636	636							1,331
2	Đường liên thôn, trục thôn	km	0.3		588								588		380.7	163.2					44.1
3	Đường làng, ngõ xóm	km	0.792		948.82								948.816		282.744	121.176					544.896
4	Biển chỉ dẫn, biển báo	Cái	11		22								22		22						
III	TIÊU CHÍ TRƯỜNG HỌC				3,360	50	0	0	0	0	0	50	1,000	1,000	0	0	0	0	0	0	2,310
	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS xã Bắc Lãng	xã Bắc Lãng	Nhà đa năng 1 tầng, sân bê tông	523/QĐ-UBND ngày 28/2/2022	3,360	50						50	1,000	1,000							2,310
IV	TIÊU CHÍ CƠ SỞ VẬT CHẤT VH				1,324	-	-	-	-	-	-	-	1,324	-	214	970	140	-	-	-	-
1	Xây mới nhà văn hóa thôn Đồng Quan	50 hộ			250								250			250					
2	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Nà Péo	65 hộ			100								100			100					
3	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Bản Há	58 hộ			150								150			150					
4	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Khe Hà	37 hộ			100								100			100					
5	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Khe Mò	54 hộ			70								70			70					
6	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Khe Chòi	39 hộ			250								250			250					
7	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Khe Cây	40 hộ			50								50			50					
8	Dụng cụ thể thao cho người già và trẻ em tại Khu thể thao xã		Ghế đá, bóng chuyền hơi		7								7		7						
9	Trang thiết bị nhà văn hóa các thôn		7 bộ đầy đủ		245								245		140		105				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Vốn đã bố trí năm 2021						Kế hoạch vốn năm 2022						Vốn còn thiếu để đạt kế hoạch nông thôn mới năm		
						Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			
							NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Von khác (gồm cả đóng góp quy đổi)		NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số		CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Von khác (gồm cả đóng góp quy đổi)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
10	Khu thể thao xã (dụng cụ thể thao cho sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông)		cầu gôn, lưới, bóng, vợt, cầu		35								35				35			
11	Công cụ, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho các thôn		7 bộ đầy đủ		56								56		56					
12	Mở rộng sân thể thao thôn Khe Mò				11								11		11					
V	MÔI TRƯỜNG				154	0	0	0	0	0	0	0	154	0	154	0	0	0	0	0
1	Hỗ trợ xây dựng nhà tiêu HVS		52 nhà tiêu HVS, 20-lò đốt rác		124								124		124					
2	Hỗ trợ cây trồng hàng rào xanh				30								30		30					
VI	AN NINH TRẬT TỰ				30	0	0	0	0	0	0	0	30	0	30	0	0	0	0	0
	Lắp Camera an ninh		15 cái		30								30		30					

Ghi chú

0

0

0

0

0

CV

1229/UBN

D-NN

CV

1229/UBN

D-NN

CV

1229/UBN

D-NN

BIỂU 11. CHI TIẾT DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ ĐỐI VỚI XÃ ĐÌNH LẬP ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số: 228 /KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Vốn đã bố trí năm 2021							Kế hoạch vốn năm 2022							Kế hoạch vốn năm 2023											
						Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động				Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động				Vốn còn thiếu để đạt kế hoạch nông thôn mới năm 2022	Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động				Vốn còn thiếu để đạt kế hoạch nông thôn mới năm 2023
							NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)	NSTW		NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)	NSTW	NST			NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)				
I	TỔNG CỘNG				15,492	3,917	3,750	0	0	0	0	167	3,640	2,540	350	0	750	0	0	0	1,070	500	0	0	450	0	0	960			
I	TIÊU CHÍ QUY HOẠCH				200	0	0	0	0	0	0	0	200	0	200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
	Quy hoạch chi tiết Trung tâm xã				200								200		200																
II	TIÊU CHÍ GIAO THÔNG				6,028	2,022	1,950	0	0	0	0	72	854	854	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	Công trình Cứng hóa đường Khe Púng xã Đình Lập, huyện Đình Lập	xã Đình Lập	0,8 km	1312/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	796	442	400					42	354	354																	
2	Công trình Cứng hóa đường Khau Bán - Khuổi Luông	xã Đình Lập	2,9km	2062/QĐ-UBND ngày 8/7/2021	5,232	1,580	1,550					30	500	500																	
III	TIÊU CHÍ THỦY LỢI				3,244	1,255	1,200	0	0	0	0	55	726	726	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
3	Thủy lợi thôn Cồn Đuống	xã Đình Lập	Nhà bom, tuyến ống dài 2,3km	2050/QĐ-UBND ngày 7/7/2021	2,244	795	750					45	376	376																	
4	Đập Khe Hoi thôn Pò Tầu	xã Đình Lập	Đập, mương, dài 602m	2051/QĐ-UBND ngày 7/7/2021	1,000	460	450					10	350	350																	
IV	TIÊU CHÍ TRƯỜNG HỌC				1,000	0	0	0	0	0	0	0	50	0	0	0	50	0	0	0	950	500	0	0	450	0	0	0			
	Điểm trường Mầm non Khe Púng	xã Đình Lập	01 phòng học, sân bê tông		1,000								50				50			950	500			450							
V	TIÊU CHÍ CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA				3,300	0	0	0	0	0	0	0	850	0	150	0	700	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	Xây mới nhà văn hóa thôn Khe Púng	31 hộ			350								350				350														
2	Xây mới nhà văn hóa thôn Cồn Áng	38 hộ			350								350				350														
3	Xây mới nhà văn hóa thôn Nà Pá	78 hộ			350																										
4	Xây mới nhà văn hóa thôn Kim Quán	110 hộ			350																										
5	Xây mới nhà văn hóa thôn Khe Ma	86 hộ			350																										
6	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Tả Hón	108 hộ			200																										
7	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Cồn Quan	30 hộ			200																										
8	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Cồn Đuống	86 hộ			200																										
9	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Khe Vuông	44 hộ			200																										
10	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Phất Chi	87 hộ			200																										

Đơn vị: triệu đồng

Đơn vị: triệu đồng

DTTS NTM

0
0

0

--

1035

--

#REF!

0

--

--

0

--

0

--

Nhu cầu vốn

Nhu cầu vốn

Nhu cầu vốn

Nhu cầu vốn

Nhu cầu vốn

Nhu cầu vốn

Nhu cầu vốn

Nhu cầu vốn
Nhu cầu vốn
CV 1229/UBND D-NN
Nhu cầu vốn

BIỂU 12. CHI TIẾT DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO XÃ THÁI BÌNH HOÀN THÀNH NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: 228 /KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Vốn đã bố trí năm 2021							Vốn đã bố trí năm 2022							Vốn còn thiếu để đạt kế hoạch nông thôn mới năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023							Vốn còn thiếu để đạt kế hoạch nông thôn mới năm 2023
						Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động				Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			
							NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)		NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)			NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)	
1	TỔNG CỘNG				26,609	100	0	100	0	0	0	0	397	0	347	0	50	0	0	0	6,550	0	3,527	459	500	0	2,064	450
I	TIÊU CHÍ QUY HOẠCH				200	0	0	0	0	0	0	0	200	0	200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Quy hoạch chi tiết Trung tâm xã				200								200		200													
II	TIÊU CHÍ GIAO THÔNG				13,528	100	0	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5,816	0	3,293	459	0	0	2,064	0
1	Cứng hóa đường Km5+300 ĐH.43 – Khe Sằn ĐX.411, xã Thái Bình, huyện Đình Lập		4.4	4948/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	9,912	100		100					0								2,200		2,200					
1	Đường ngõ xóm		3.0		3,594																3,594		1,071	459			2,064	
2	Biển chỉ dẫn, biển báo		11		22																22		22					
III	TIÊU CHÍ TRƯỜNG HỌC				12,500	0	0	0	0	0	0	0	50	0	0	0	0	50	0	0	500	0	0	0	500	0	0	450
1	Điểm trường Hòa An, trường Mầm non xã Thái Bình	xã Thái Bình	01 phòng học		1,000								50				50				500				500			450
2	Trường chính trường Mầm non xã Thái Bình		Xây bổ sung 04 phòng chức năng, cổng trường, tường rào, nhà bảo vệ		2,800																							
3	Trường chính trường Tiểu học 1 xã Thái Bình		Xây bổ sung 04 phòng chức năng		3,200																							
4	Trường PTDTBT THCS xã Bình Xá		4 phòng học, 2 phòng công vụ, nhà vệ sinh		5,500																							
IV	TIÊU CHÍ CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA				261	0	0	0	0	0	0	0	147	0	147	0	0	0	0	0	114	0	114	0	0	0	0	0
1	Dụng cụ thể thao cho Khu thể thao xã				30																30		30					
2	Thiết chế nhà văn hóa các thôn				175								91		91						84		84					
3	Công cụ, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho các thôn				56								56		56													
V	TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG				120	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	120	0	120	0	0	0	0	0
	Hỗ trợ xây dựng HVVS, lò đốt rác, bể thu gom thuốc bảo vệ thực vật		40-HVS, 20 nhà tắm		120																120		120					

BIỂU 13. CHI TIẾT DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ ĐỐI VỚI XÃ KIẾN MỘC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số: 228 /KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Vốn đã bố trí năm 2021						Vốn đã bố trí năm 2022						Vốn còn thiếu để đạt kế hoạch nông thôn mới năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023						Vốn còn thiếu để đạt kế hoạch nông thôn mới năm 2023			
						Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động				
							NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)		NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số		CT MTQG Giảm nghèo bền vững		Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)	NSTW	NST	NSH		CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)
	TỔNG CỘNG				20,443	0	0	0	0	0	0	0	543	200	343	0	0	0	0	0	13,571	1,000	3,994	1,171	2,450	0	4,956	2,461
I	TIÊU CHÍ QUY HOẠCH				200	0	0	0	0	0	0	0	200	0	200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Quy hoạch chi tiết Trung tâm xã				200								200		200													
II	TIÊU CHÍ GIAO THÔNG				10,386	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9,686	0	3,699	1,171	0	0	4,816	700
1	Đường ĐX.409 Km5+700 ĐH.42-Khe Mông	Km	1		2,000															1,300		1,200	100					700
2	Đường làng, ngõ xóm	Km	7		8,386															8,386		2,499	1,071				4,816	
III	TIÊU CHÍ THỦY LỢI				1,674	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Công trình Đập, mương Bàn Pia		Đập, mương, ống dài 465m	1516/QĐ-UBND ngày 04/6/2021	574																							
2	Đập, mương Bàn Mục		Đập, mương, ống dài 610m	1513/QĐ-UBND ngày 04/6/2021	1,100																							
IV	TIÊU CHÍ TRƯỜNG HỌC				4,007	0	0	0	0	0	0	0	200	200	0	0	0	0	0	0	1,000	1,000	0	0	0	0	0	1,761
1	Điểm trường Kéo Tầm, trường tiểu học 2 Kiên Mộc		Nhà bếp; nhà công vụ; sân bê tông	1575/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1,046																							
2	Điểm trường Khe Bùng, trường Mầm non xã Kiên Mộc		Nhà lớp học, nhà bếp,	3092/QĐ-UBND ngày 29/8/2021	1,604								100	100							500	500						1,004
3	Trường PTDT BT Tiểu học I xã Kiên Mộc		Nhà ở bán trú, nhà vệ sinh	2781/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	1,357								100	100							500	500						757
V	TIÊU CHÍ CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA				3,583	0	0	0	0	0	0	0	143	0	143	0	0	0	0	0	2,840	0	250	0	2,450	0	140	0
1	Xây mới nhà văn hóa thôn Bàn Pia	28 hộ	xây mới		370								-								370				350	20	-	
2	Xây mới nhà văn hóa thôn Bàn Chao	36 hộ	xây mới		370								-								370				350	20	-	
3	Xây mới nhà văn hóa thôn Bàn Mục	51 hộ	xây mới		370								-								370				350	20	-	
4	Xây mới nhà văn hóa thôn Bàn Tùm	48 hộ	xây mới		370								-								370				350	20	-	
5	Xây mới nhà văn hóa thôn Khe Bùng	46 hộ	xây mới		370								-								370				350	20	-	
6	Xây mới nhà văn hóa thôn Hìn Đăm	48 hộ	xây mới		370								-								370				350	20	-	
7	Xây mới nhà văn hóa thôn Khe Luông	45 hộ	xây mới		370								-								370				350	20	-	
8	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Bàn Cỏ	51 hộ			200																							
9	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Bàn Lự	53 hộ			200																							
10	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn	66 hộ			200																							
11	Dụng cụ thể thao cho Khu thể thao xã				30																30		30					

12	Thiết chế nhà văn hóa các thôn				275								143		143						132		132					
13	Công cụ, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho các thôn				88																88		88					
VI	TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG				592	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	45	0	45	0	0	0	0	
1	Nước sinh hoạt tập trung thôn Bán Pia	xã Kiên Mộc	Cấp nước 35 hộ dân	1512/QĐ-UBND ngày 03/6/2021	547																							
2	Hỗ trợ xây dựng HVS, lò đốt rác, bể thu gom thuốc bảo vệ thực vật		15 nhà tiêu HVS, 15 lò đốt rác		45																45		45					

Nâng cao tiêu chí

Nâng cao tiêu chí

NTM 2024

NTM 2024

NTM 2024

NTM 2024

NTM 2024

NTM 2024

NTM 2024

Nâng cao tiêu chí

Nâng cao tiêu chí

Nâng cao tiêu chí

Nhu cầu vẫn

thôn ĐBK

thôn ĐBK

BIỂU 15. CHI TIẾT DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ ĐỐI VỚI XÃ BẮC XA ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018

(Kèm theo Kế hoạch số: 228 /KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Vốn đã bố trí năm 2021						Vốn đã bố trí năm 2022						Vốn còn thiếu để đạt kế hoạch nông thôn mới năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023						Vốn còn thiếu để đạt kế hoạch nông thôn mới năm 2023				
						Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động			Tổng	Vốn CT MTQG XD NTM			Vốn lồng ghép, huy động					
							NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)		NSTW	NST	NSH	CT MTQG Dân tộc thiểu số		CT MTQG Giảm nghèo bền vững		Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)	NSTW	NST	NSH		CT MTQG Dân tộc thiểu số	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	Vốn khác (gồm cả đóng góp quy đổi)	
1	TỔNG CỘNG				14,842	830	0	0	830	0	0	0	1,128	778	350	0	0	0	0	700	4,365	4,000	365	0	0	0	0	0	4,557
I	TIÊU CHÍ QUY HOẠCH				200	0	0	0	0	0	0	0	200	0	200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Quy hoạch chi tiết trung tâm xã				200								200		200														
II	TIÊU CHÍ GIAO THÔNG				8,757	0	0	0	0	0	0	0	200	200	0	0	0	0	0	0	4,000	4,000	0	0	0	0	0	4,557	
1	Cứng hóa ĐX.446 Nà Thuộc-Khuổi Tả - Bản Bắc Xa, KM8-Km10+500	xã Bắc Xa	2,2km	2842/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	5,917								100	100							3,000	3,000						2,817	
2	Cứng hóa đường ĐX.448 Bản Mạ-Song Phe		3km		7,000																1,100		1,000	100				5,900	
3	Cứng hóa đường ĐX.445 Nà Pè + Ngâm Nà Pè	xã Bắc Xa	200m	2841/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	2,840								100	100							1,000	1,000						1,740	
III	TIÊU CHÍ TRƯỜNG HỌC				971	830	0	0	830	0	0	0	78	78	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Điểm trường Bản Ván, trường Mầm non xã Bắc Xa	xã Bắc Xa	Nhà lớp học 1 tầng	2679/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	971	830			830				78	78															
IV	TIÊU CHÍ CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA				3659	0	0	0	0	0	0	0	149.5	0	149.5	0	0	0	0	0	309.5	0	309.5	0	0	0	0	0	
1	Xây mới nhà văn hóa thôn Tập Tinh	20 hộ			350																								
2	Xây mới nhà văn hóa thôn Chè Mưng	10 hộ			350																								
3	Xây mới nhà văn hóa thôn Bản Ván	44 hộ			350																								
4	Xây mới nhà văn hóa thôn Bắc Xa	40 hộ			350																								
5	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Kéo Cẩn	11 hộ			200																								
6	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Nà Thuộc	27 hộ			200																								
7	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Bản Mạ	19 hộ			200																								
8	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Bản Quảy	17 hộ			200																								
9	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Hạnh Phúc	23 hộ			200																								
10	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Tân Lâu	29 hộ			200																								
11	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Nà Pè	46 hộ			200																								
12	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Khuổi Tả	19 hộ			200																								
13	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Bản Háng	39 hộ			200																								
14	Dụng cụ thể thao cho Khu thể thao xã				30																30		30						
15	Thiết chế nhà văn hóa các thôn				325								149.5		149.5						175.5		175.5						
16	Công cụ, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho các thôn				104																104		104						
V	TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG				1,255	0	0	0	0	0	0	0	500	500	0	0	0	0	0	700	55	0	55	0	0	0	0	0	

1	Nước sinh hoạt thôn Bản Quỳ, Nà Thuộc (giai đoạn 2)	xã Bắc Xa	Cấp nước 60 hộ dân	1490/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	1,200	-							500	500						700							
2	Hỗ trợ xây dựng HVS, lò đốt rác, bể thu gom thuốc bảo vệ thực vật		15 nhà tiêu HVS, 15 lò đốt rác, 10 bể thu gom thuốc BVTV		55															55		55					

Nâng cao tiêu chí

Nâng cao tiêu chí

Nâng cao tiêu chí

Nâng cao tiêu chí

Nâng cao tiêu chí

Nâng cao tiêu chí